

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 451/2025/HS-PT
Ngày 29/10/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tấn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân
tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số
762/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Quốc V
phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, do có
kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ
thẩm số 286/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành
phố Hà Nội.

*** Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị
được triệu tập:**

Hoàng Quốc V, sinh ngày 06/3/1963, tại Nam Định; giới tính: Nam; nơi
đăng ký hộ khẩu thường trú: số A T, phường Ô, thành phố Hà Nội (trước đây là
số A T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội); nơi ở: H7.TT2 - BT21, khu đô
thị T, phường P, thành phố Hà Nội (trước đây là H7.TT2 - BT21, khu đô thị T,
phường X, quận B, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn
giáo: Không; nghề nghiệp: nguyên Thứ trưởng Bộ C4; Đảng phái, chính trị:
Đảng viên Đ2 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 143-QĐ/ĐU
ngày 19/01/2024 của Đảng ủy Cơ quan Tập đoàn D7, Đảng bộ Tập đoàn D7;
trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hoàng Công H và bà Đinh Thị Ý; có vợ và 02
con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2024, hiện
đang bị tạm giam tại Trại tạm giam B14 - Bộ C5; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

1. Công ty TNHH Đ3;

Trụ sở: thôn Q, xã T, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận).

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Tâm T1 - Chủ tịch Công ty và ông Vũ Đình T2 - Giám đốc Công ty; đều vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Tâm T3, sinh năm 1967; ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1975; ông Lê Như Phước A, sinh năm 1975; ông Trần Phước T4, sinh năm 1991; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; ông Lê Thanh N, sinh năm 1996; bà Phạm Thị Thu T5, sinh năm 2000; bà Trần Thị Cẩm V1, sinh năm 1998; cùng địa chỉ: số G T, phường D, thành phố Hồ Chí Minh; ông T3 vắng mặt; ông H1, ông A, ông T4, bà D, ông N, bà T5, bà V1 đều có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Luật sư Trịnh Văn T6 và Luật sư Bùi Thị T7 - Văn phòng L4, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, khu đô thị N, phường P, thành phố Hà Nội (trước đây là Tầng A, Tòa nhà C, khu đô thị N, quận T, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

+ Luật sư Đỗ Ngọc Q - Văn phòng luật sư L-Dơ-By, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P tầng B, nhà N T, phường N, thành phố Hà Nội (trước đây là P208 tầng 2, nhà N T, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Luật sư Bùi Huy T8 và Luật sư Bùi Thu G - Công ty L5, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: B, KĐT mới Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội (trước đây là B20 NƠ 20, KĐT mới Định Công, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội); đều có mặt.

+ Luật sư Nguyễn Quang V2 và Luật sư Trịnh Phương T9 - Công ty L6, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà G, C phố H, phường Ô, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

2. Công ty cổ phần Đ4;

Trụ sở: đường K, thôn K, xã V, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là đường K, thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận);

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Từ Kim T10 - Giám đốc; trú tại: số A L, phường M, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là số 126 L, phường G, quận A, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Quách Minh T11, sinh năm 1977; bà Nguyễn Lê Hạnh L1, sinh năm 1988; bà Nguyễn Diệu L2, sinh năm 1998; địa chỉ: P, Tầng D, T, Tòa nhà C, số B L, phường N, thành phố Hà Nội (trước đây là Phòng CP2.04.01, Tầng D, T, Tòa nhà C, số B L, phường N, quận B, thành phố Hà Nội); bà Diệu L2 vắng mặt; ông T11 và bà Hạnh L1 đều có mặt.

3. Công ty cổ phần N3; trụ sở: số D đường L, phường B, tỉnh Đồng Nai (trước đây là số 48 đường L, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước);

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Dương Quốc T12 - Giám đốc điều hành; vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:*

+ Ông Vũ Tuấn L3, bà Phan Thị Lam H2 và ông Nguyễn Đức T13 đều thuộc Công ty L7; địa chỉ: Tầng B, Tòa A, ngõ B N, phường T, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

+ Bà Dương Thị Thanh P, sinh năm 1988; địa chỉ: P, A, Chung cư H, phường H, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là P1307, A2, Chung cư H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

+ Ông Hoàng T14; địa chỉ: Tầng A, 9 T, phường S, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

+ Ông Chantarapongphan C, sinh năm 1974; địa chỉ: Tầng A, số I T, phường S, thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tầng A, số I T, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo được Tòa án triệu tập:***

1. Bộ C4;

Trụ sở: số E H, phường C, thành phố Hà Nội (trước đây là số E H, phường T, quận H, thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng D1 - Bộ trưởng; vắng mặt.

Người đại diện tham gia phiên tòa: Ông Lê Công D2 - Chuyên viên chính Cục C4; có mặt.

2. Cục Thuế tỉnh B (nay là Chi cục Thuế khu vực X);

Trụ sở: số A đường L, khu phố B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện* vắng mặt.

3. Tập đoàn Đ5 (EVN); trụ sở: số A C, phường B, thành phố Hà Nội (trước đây là số A C, phường T, quận B, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T15 - Giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh H3, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Ngọc H4, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: B khu B - N, phường Y, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn Đ5: Luật sư Nguyễn Anh M và Luật sư Phùng Quang C1 - Văn phòng L8 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: B khu B - N, đường N, phường Y, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn các bị cáo khác; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/02/2023, Thanh tra Chính phủ có Công văn số 80/TTCP.V.I gửi Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 kiến nghị điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định đối với 08 nhóm hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu của tội phạm trong việc quản lý, thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình điện năng lượng tái tạo theo Quy hoạch Điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh, gồm: ⁽¹⁾Việc phê duyệt bổ sung 168 dự án nguồn điện mặt trời tại 23 tỉnh, thành phố vào Quy hoạch phát triển điện lực các cấp giai đoạn 2016-2020; ⁽²⁾Việc tham mưu đối tượng, điều kiện được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách phát triển điện mặt trời tại Việt Nam (viết tắt là Quyết định số 13/QĐ-TTg); ⁽³⁾Việc tham mưu đối tượng, điều kiện được áp dụng giá FIT 7,09 UScents/kWh tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 13/QĐ-TTg; ⁽⁴⁾Việc quản lý nguồn điện mặt trời mái nhà; ⁽⁵⁾Việc đầu tư xây dựng các dự án điện mặt trời, điện gió trên đất Quy hoạch dự trữ khoáng sản Quốc gia tại tỉnh Bình Thuận; ⁽⁶⁾Việc đầu tư xây dựng các dự án điện mặt trời chồng lấn lên đất Quy hoạch thủy lợi cấp Quốc gia tại tỉnh Ninh Thuận; ⁽⁷⁾Việc chấp hành quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cho thuê đất để đầu tư xây dựng các dự án điện gió chồng lấn lên Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Bauxit tại Đắk Nông; ⁽⁸⁾Việc đầu tư xây dựng dự án điện mặt trời trên đất hồ thủy lợi tại tỉnh Đắk Lắk. ⁽⁹⁾Ngày 28/4/2023, Thanh tra Chính phủ bổ sung kiến nghị điều tra, làm rõ việc quản lý, sử dụng đất, thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy T21, 3 trên diện tích 15,3ha đất tại xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; việc đầu tư xây dựng Dự án trên 208ha đất được giao, trong đó 25,23ha rừng tự nhiên chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang xây dựng công trình năng lượng.

Quá trình kiểm tra, xác minh giải quyết vụ việc, ngoài nội dung kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 tiếp nhận 03 nguồn tin khác có liên quan, cụ thể: ⁽¹⁰⁾Ngày 10/4/2023, Ban Nội chính Trung ương có Công văn số 3915-CV/BNCTW gửi Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5, chuyển thông tin phản ánh một số sai phạm trong việc đề xuất bổ sung quy hoạch, cấp phép thực hiện quy hoạch, cấp phép đầu tư và cho thuê đất đối với 03 dự án điện gió tại tỉnh Đắk Nông; ⁽¹¹⁾Ngày 26/4/2023, Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường Bộ C5 (C05) Bộ C5 chuyển nguồn tin có dấu hiệu “*Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai, hoàn thuế...*” trong việc đầu tư, xây dựng các dự án

điện mặt trời tại tỉnh Bình Phước; ⁽¹²⁾Nguồn tin nặc danh về dấu hiệu vi phạm pháp luật của các cá nhân tại Công ty M1 điện thuộc Tập đoàn Đ5 trong việc công nhận ngày vận hành thương mại cho một số dự án điện mặt trời và thành lập công ty “sân sau” để tạo đường dây làm ăn, đứng ra giao dịch với các nhà thầu, chủ đầu tư...

Kết quả kiểm tra, xác minh, điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 đã khởi tố vụ án “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”, “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại Điều 356 và Điều 360 Bộ luật hình sự; khởi tố 09 bị can về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự và 03 bị can về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của bị cáo Hoàng Quốc V và bị cáo Phương Hoàng K trong việc tham mưu ban hành quy định về diện đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ:

* *Chức trách, nhiệm vụ được phân công:* ⁽¹⁾**Hoàng Quốc V** là Thứ trưởng Bộ C4, phụ trách Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo, xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg; ⁽²⁾**Phương H** là Cục trưởng Cục C4 và Năng lượng tái tạo, được giao nhiệm vụ là Tổ trưởng Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

* *Hành vi đã thực hiện:* Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, do được ông Nguyễn Tâm T1 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đ3 đến trụ sở Bộ C4 gặp Hoàng Quốc V và Phương Hoàng K để nhờ Hoàng Quốc V tạo điều kiện cho Dự án Nhà máy Đ6 được vào diện được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 Usents/kWh, nhờ Phương Hoàng K tạo điều kiện cho Dự án Nhà máy Đ6 sớm được vào quy hoạch bổ sung Điện VII điều chỉnh. Hoàng Quốc V đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, cố ý chỉ đạo Tổ soạn thảo xây dựng Quyết định số 13/QĐ-TTg theo hướng mở rộng diện đối tượng được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 Usents/kWh; Phương Hoàng K biết rõ diện đối tượng được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 Usents/kWh trong Dự thảo Quyết định số 13/QĐ-TTg đang được mở rộng, trái với Nghị quyết số 115/NQ-CP và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhưng vẫn không chỉ đạo Tổ soạn thảo và Cục C4 và Năng lượng tái tạo thực hiện theo đúng Nghị quyết số 115/NQ-CP và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, nhằm mục đích cho Dự án Nhà máy Đ6 được vào quy hoạch bổ sung Điện VII điều chỉnh, để được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 Usents/kWh, cụ thể:

Ngày 18/3/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 428/QĐ-

TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch P6 giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch Điện VII điều chỉnh), trong đó tỉnh Ninh Thuận được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 03 Dự án Điện mặt trời T, 2 và 3 với tổng công suất 1.000MW.

Ngày 11/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2017 đến ngày 30/6/2019, trong đó điểm a khoản 1 Điều 12 quy định giá mua điện từ các dự án mặt trời nổi lưới là 9,35 UScents/kWh; điểm e khoản 1 Điều 13 quy định trách nhiệm của Bộ C4: *“Nghiên cứu đề xuất cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời áp dụng cho giai đoạn sau ngày 30/6/2019”*.

Trong giai đoạn từ ngày 18/3/2016 đến ngày 31/8/2018, ngoài 03 Dự án Nhà máy Đ6, 2, 3 với tổng công suất 1.000MW đã được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 428/QĐ-TTg, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung 05 dự án vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh, Bộ C4 phê duyệt bổ sung 24 dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận với tổng công suất khoảng 2000MW (1078MW và 1060.9MWp).

Từ cuối năm 2017, Công ty cổ phần Đ3 (do ông Nguyễn Tâm T1 là người đại diện theo pháp luật) đã đề xuất, được UBND tỉnh N chấp thuận, có văn bản gửi Bộ C4 đề nghị thẩm định, bổ sung Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam, công suất 50MW vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận. Bộ C4 đã thực hiện một số thủ tục thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan. Tuy nhiên, ngày 10/5/2018, Văn phòng C6 có Thông báo số 174/TB-VPCP, thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình D3 tại cuộc họp về việc bổ sung một số dự án nhà máy điện mặt trời vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh theo đề nghị của Bộ C4, với nội dung: *“Trong giai đoạn tới, khi chưa hoàn thành Quy hoạch phát triển Đ7, chỉ xem xét bổ sung vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh đối với các dự án nhà máy điện mặt trời Bộ C4 đã hoàn thành thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ; đối với các dự án điện mặt trời Bộ C4 đang thẩm định, kể cả các dự án có quy mô công suất từ 50MW trở xuống, Bộ C4 rà soát để đưa vào xem xét đồng bộ trong Quy hoạch phát triển điện mặt trời quốc gia”*. Do đó, Bộ C4 dừng việc thẩm định, bổ sung quy hoạch đối với các dự án điện mặt trời nói chung, trong đó có Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam, công suất 50MW. Trong giai đoạn này, Phương Hoàng K là Cục trưởng Cục C4 đã trực tiếp chỉ đạo Phòng Kế hoạch và Quy hoạch - Cục C4 thực hiện thủ tục thẩm định và trực tiếp ký các văn bản gửi các cơ quan, đơn vị, đề nghị góp ý về việc bổ sung quy hoạch dự án; Hoàng Quốc V là Thứ trưởng Bộ C4 đã trực tiếp ký báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ về tình hình phát triển các dự án điện mặt trời.

Ngày 31/8/2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về việc

thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023. Trong đó, tại điểm e khoản 1 Điều 1 quy định: *“Đồng ý tỉnh Ninh Thuận được hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến hết năm 2020 đối với các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đầu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai. Giao Bộ C4 chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Đ5 và UBND tỉnh N triển khai thực hiện”*.

Thực hiện Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 21/8/2018, Bộ C4 ban hành Quyết định số 2990/QĐ-BCT thành lập Tổ soạn thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg), gồm 26 thành viên, trong đó tại Cục C4 - Bộ C4 có Phương H - Cục trưởng, làm Tổ trưởng; ông Nguyễn Ninh H5 - Phó Trưởng phòng Phòng Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo là Tổ phó; bà Phạm Thùy D4 - Chuyên viên chính Phòng Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo là Tổ viên cùng 23 Tổ viên khác là cán bộ các đơn vị thuộc Bộ C4, Tập đoàn Đ5, Bộ T22, Bộ Tư pháp, Bộ N4, Bộ X1, Bộ T23, Bộ K3, Ngân hàng N5 (Bộ C4 có văn bản đề nghị, nhưng Văn phòng Chính phủ không cử cán bộ tham gia Tổ soạn thảo).

Ngày 21/02/2019, Bộ C4 có Công văn số 1065/BCT-ĐTĐL gửi: Bộ T22, Bộ K3, Bộ Tư pháp, Bộ T23, Bộ X1, Bộ K4, Bộ N4, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập đoàn Đ5, đề nghị cho ý kiến góp ý đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Tại bản Dự thảo này, Bộ C4 chưa tích hợp nội dung quy định về cơ chế, chính sách giá điện đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để cụ thể hóa quy định tại Nghị quyết số 115/NQ-CP.

Từ đầu tháng 3/2019, Phương Hoàng K phân công ông Đỗ Đức Q1 - Phó Cục trưởng Cục C4 - Bộ C4 chỉ đạo Phòng Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo (do ông Nguyễn Ninh H5 - Trưởng phòng và bà Phạm Thùy D4 - Chuyên viên) thực hiện nhiệm vụ xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Ngày 21/3/2019, Cục C4 và Năng lượng tái tạo Bộ C4 có Công văn số 455/ĐL-NLTT gửi Vụ Pháp chế Bộ C4 đề nghị cho ý kiến đối với Dự thảo Quyết định riêng biệt, cụ thể hóa điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 115/NQ-CP về cơ chế đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trong đó, Điều 1 Dự thảo quy định: *“Các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đầu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được hưởng chính sách giá điện theo Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam đến hết năm 2020”*.

Ngày 28/3/2019, Vụ Pháp chế - Bộ C4 có Công văn số 417/PC-XDPL gửi Cục C4 và Năng lượng tái tạo, tham gia ý kiến với nội dung: “*Đề nghị Cục C4 và Năng lượng tái tạo nghiên cứu, tích hợp các nội dung quy định về cơ chế giá điện đặc thù áp dụng đối với tỉnh Ninh Thuận vào dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg*”. Sau khi nhận được văn bản này, Phương Hoàng K đã bút phê giao cho ông Đỗ Đức Q1 để chỉ đạo Phòng Năng lượng mới và Năng lượng tái tạo giải quyết; ông Đỗ Đức Q1 giao cho ông Nguyễn Ninh H5, ông Nguyễn Ninh H5 giao cho bà Phạm Thùy D4 xử lý vào ngày 29/3/2019.

Căn cứ đề nghị của Vụ Pháp chế, ông Đỗ Đức Q1, ông Nguyễn Ninh H5 và bà Phạm Thùy D4 đã bổ sung quy định về cơ chế chính sách giá điện đặc thù áp dụng đối với các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận vào khoản 4 Điều 8 Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg (sau này là khoản 3 Điều 5), với nội dung: “*Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá bán điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021, với tổng công suất không quá 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh)...*”. Nội dung đề xuất này đã thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 115/NQ-CP.

Khi tiếp thu ý kiến của Vụ Pháp chế thì nội dung Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg lần đầu tiên gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan theo Công văn số 1065/BCT-ĐTĐL sẽ thay đổi do bổ sung thêm cơ chế, chính sách giá điện đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 115/NQ-CP. Tuy nhiên, ngày 01/4/2019, Phương Hoàng K ký Báo cáo số 44/BC-ĐL gửi Bộ trưởng Bộ C4 chỉ nêu “*Cục Điện lực đã hoàn thiện dự thảo, báo cáo Thứ trưởng Hoàng Quốc V để gửi xin ý kiến các cơ quan có liên quan (tại Công văn số 1065/BCT-ĐL) và đăng tải Dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Bộ C4 để lấy ý kiến. Theo quy định, thời hạn lấy ý kiến đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2019. Vì vậy, dự thảo dự kiến sẽ được hoàn chỉnh, gửi thẩm định Bộ Tư pháp trong tháng 4 năm 2019 và báo cáo Thủ tướng Chính phủ đầu tháng 5 năm 2019*” mà không báo cáo, đề xuất về việc “*tích hợp các nội dung quy định về cơ chế giá điện đặc thù áp dụng đối với tỉnh Ninh Thuận vào dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg*” theo đề nghị của Vụ Pháp chế.

Ngày 02/4/2019, Hoàng Quốc V chủ trì cuộc họp về việc xây dựng nội dung Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Tại cuộc họp, ông Đỗ Đức Q1, bà Phạm Thùy D4 đã báo cáo quy định tại Nghị quyết số 115/NQ-CP và đề xuất quy định về diện đối tượng và điều kiện để được hưởng cơ chế, chính sách giá điện đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là “*Các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đấu nối công suất thiết kế*”

2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai” - đúng với tinh thần Nghị quyết số 115/NQ-CP. Tuy nhiên, Hoàng Quốc V đã chỉ đạo thay đổi nội dung này theo hướng: quy định áp dụng cho “các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch điện lực các cấp”.

Theo đề nghị của Vụ Pháp chế Bộ C4 và chỉ đạo của Hoàng Quốc V tại cuộc họp ngày 02/4/2019, ngày 08/4/2019, ông Đỗ Đức Q1 ký Báo cáo số 45/BC-ĐL gửi Hoàng Quốc V, phân tích quy định tại Nghị quyết số 115/NQ-CP và báo cáo về việc Cục C4 và Năng lượng tái tạo đã sửa đổi quy định tại Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo chỉ đạo của Hoàng Quốc V.

Tại Báo cáo số 45/BC-ĐL, Hoàng Quốc V đã được báo cáo về việc nếu thực hiện theo đúng Nghị quyết số 115/NQ-CP thì chỉ *“các dự án đã được phê duyệt trước ngày 31 tháng 8 năm 2018 (ngày ban hành Nghị quyết) và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021”* là được hưởng chính sách giá điện ưu đãi, Hoàng Quốc V đã gạch bỏ cụm từ *“đã có trong quy hoạch điện lực các cấp và”*; đồng thời bút phê yêu cầu *“Sửa lại K2 Đ8 của Dự thảo”* (sau này là khoản 3 Điều 5), giao ông Đỗ Đức Q1 và các Chuyên viên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện theo chỉ đạo trên của Hoàng Quốc V. Khi nhận được chỉ đạo này, ông Đỗ Đức Q1 đã báo cáo miệng lại với Hoàng Quốc V về việc nếu bỏ cụm từ *“đã có trong quy hoạch điện lực các cấp và”* thì diện đối tượng đang được mở rộng còn tiếp tục được mở rộng hơn nữa, các dự án không có trong quy hoạch phát triển điện lực cũng thuộc diện đối tượng được hưởng chính sách giá điện ưu đãi, nên tại Dự thảo Tờ trình của Bộ C4 gửi Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg kèm theo, Bộ C4 đã giữ nguyên quy định tại khoản 2 Điều 8: *“Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá bán điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh ...)”*.

Ngày 10/4/2019, ông Nguyễn Anh S - Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ C4 ký Báo cáo thẩm định số 511/PC-XDPL đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg gửi Cục C4 và Năng lượng tái tạo, trong đó phân tích diện đối tượng được hưởng chính sách giá điện ưu đãi tại Nghị quyết số 115/NQ-CP và diện đối tượng tại Dự thảo Quyết định, đã nêu: *“5. Khoản 2 Điều 8: Theo điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 quy định: “...các dự án điện năng lượng mặt trời và hạ tầng đấu nối công suất thiết kế 2.000MW đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai. Như vậy, các dự án Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sau ngày 31/8/2018 hoặc các dự án do Bộ C4 chấp thuận có được hưởng không. Theo quy định tại dự thảo Quyết định được hiểu tất cả các dự án đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và công suất không quá 2.000MW là được áp dụng.”* từ đó, Vụ Pháp chế đề nghị *“có giải trình và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cụ thể về quy định này”*.

Ngày 12/4/2019, Hoàng Quốc V ký Công văn số 2549/BCT-ĐL gửi Bộ Tư pháp, đề nghị cho ý kiến đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg đã được Bộ C7 quy định về cơ chế chính sách giá điện ưu đãi áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tại khoản 2 Điều 8, với nội dung: *“Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá bán điện từ các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh ...)”*.

Ngày 18/4/2019, Bộ Tư pháp có Quyết định số 936/QĐ-BTP thành lập Hội đồng thẩm định Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, gồm 15 thành viên, trong đó ông Lê Đại H6 - Phó Vụ trưởng V6 làm Chủ tịch Hội đồng; bà Nguyễn Thúy H7 - Chuyên viên Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế làm Thư ký Hội đồng và 13 thành viên khác thuộc các đơn vị.

Ngày 26/4/2019, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 66/BC-BTP gửi Bộ C4 và Văn phòng C6 đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung: *“...dự thảo Quyết định chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ vì lý do: dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời trong đó bao gồm khuyến khích về đầu tư, đất đai, thuế. Theo quy định của Luật Tổ chức chính phủ năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì văn bản phải ban hành dưới hình thức Nghị định của Chính phủ mới phù hợp về mặt thẩm quyền. Tuy nhiên, trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định trong Báo cáo thẩm định này và chỉnh lý dự thảo theo hướng chỉ quy định về cơ chế giá điện mặt trời thì sau khi chỉnh lý mới đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ”*.

Ngày 02/5/2019, ông Đỗ Đức Q1 ký Báo cáo số 63/BC-ĐL gửi Hoàng Quốc V về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, báo cáo tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp; kèm theo là Tờ trình của Bộ C4 gửi Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Mặc dù tại Dự thảo Tờ trình gửi Thủ tướng Chính phủ chuyển cho Bộ Tư pháp, Bộ C4 đã phân tích về Nghị quyết số 115/NQ-CP với nội dung: *“Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ cho phép tổng công suất 2.000MW điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai được hưởng mức giá điện tại Quyết định 11 đến hết năm 2020”*, nhưng tại Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg kèm theo Báo cáo số 63/BC-ĐL, Hoàng Quốc V đã bút phê gạch bỏ cụm từ *“được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai”*, điều chỉnh lại thành *“Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ cho phép các dự án điện mặt trời tổng công suất 2.000MW trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được hưởng mức giá điện tại Quyết định 11 đến hết năm 2020”*. Đồng thời, nội dung đề xuất đưa vào Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg vẫn giữ nguyên là *“Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá bán điện từ các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch điện lực các cấp*

và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh ...)”.

Đến ngày 31/8/2018, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 32 dự án điện mặt trời đã được quy hoạch với tổng quy mô công suất khoảng hơn 2.000MW (2.078MW và 1.060,9MWp) và tại Nghị quyết số 115/NQ-CP, Chính phủ chỉ đồng ý cho phép phạm vi tối đa 2.000MW trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 UScent/kWh, nhưng ngày 03/5/2019, Bộ C4 có Tờ trình số 3061/TTr-BCT gửi Thủ tướng Chính phủ (do Cục C4 và năng lượng tái tạo xây dựng, Hoàng Quốc V ký nháy trình Bộ trưởng Bộ C4), báo cáo về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung thể hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 30 dự án tổng công suất 1.927MW được phê duyệt trong quy hoạch phát triển điện lực, đồng thời vẫn giữ nguyên đề xuất khoản 2 Điều 8 như dự thảo trước đó; kèm theo Tờ trình số 3061/TTr-BCT, Bộ C4 báo cáo về ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có Bộ K3, Bộ Tư pháp, Bộ T22, Bộ T23, EVN,... (các đơn vị này tham gia ý kiến đối với dự thảo lần 1, chưa tích hợp quy định về cơ chế chính sách giá điện đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận theo Nghị quyết số 115/NQ-CP).

Ngày 17/5/2019, Phương Hoàng K ký Báo cáo số 73/BC-ĐL gửi Bộ trưởng Bộ C4, báo cáo về tiến độ xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg tập trung đề xuất phân 04 vùng để tính toán giá FIT.

Trong quá trình xây dựng dự thảo, ngày 22/5/2019 và 29/5/2019, Cục C4 và Năng lượng tái tạo có 02 Phiếu trình giải quyết công việc, đề xuất thay đổi, bổ sung ông Đỗ Đức Q1 thay ông Phương Hoàng K làm Tổ trưởng Tổ soạn thảo, tuy nhiên không được Hoàng Quốc V đồng ý.

Ngày 28/5/2019, Hoàng Quốc V ký Báo cáo số 55/BC-BCT gửi Văn phòng Chính phủ, với nội dung đề nghị tích hợp quy định thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận vào khoản 2 Điều 8 Dự thảo Quyết định.

Ngày 29/5/2019, Phó Thủ tướng Trịnh Đình D3 chủ trì cuộc họp với Bộ C4 và các Bộ ngành bàn về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, ngày 07/6/2019, Văn phòng C6 có Thông báo số 205/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình D3 tại cuộc họp, với nội dung giao Bộ C4 chủ trì, tiếp thu ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan, phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát phạm vi, đối tượng, nội dung và tên gọi để báo cáo về sự phù hợp với quy định của pháp luật về việc ban hành văn bản dưới hình thức Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 13/6/2019, Hoàng Quốc V ký Công văn số 4190/BCT-ĐL gửi Bộ T22, Bộ Tư pháp, Tập đoàn Đ5 đề nghị có ý kiến đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình D3 tại Thông báo

205/TB-VPCP của Văn phòng C6. Trong Dự thảo Quyết định có quy định về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận, với nội dung: “*Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá bán điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh)*”.

Khi Bộ T22, Bộ Tư pháp, Tập đoàn Đ5 chưa có ý kiến theo đề nghị của Bộ C4 tại Công văn số 4190/BCT-ĐL nêu trên, ngày 18/6/2019, Hoàng Quốc V ký Báo cáo số 65/BC-BCT gửi Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, trong đó có quy định về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận tại khoản 2 Điều 5 (sau này là khoản 3 Điều 5), với nội dung: “*Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01/01/2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000 MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm VAT, tương đương 9,35 UScents/kWh)*”.

Ngày 09/7/2019, Bộ T22 có Công văn số 7786/BTC-ĐT gửi Bộ C4 góp ý Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung đề nghị làm rõ việc xác định giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới tại Ninh Thuận vận hành trước ngày 01/01/2021 trong trường hợp công suất các dự án tích lũy đạt mức 2.000MW (theo quy định tại mục e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 115/NQ-CP).

Ngày 30/7/2019, Thường trực Chính phủ họp để xem xét nội dung Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg do Bộ C4 đề xuất. Tại cuộc họp, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: “*Giá điện mặt trời áp dụng đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thực hiện theo đúng quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018. Giao Bộ C4 và tỉnh Ninh Thuận thực hiện nghiêm...*”.

Ngày 19/9/2019, Bộ C4 có Báo cáo số 119/BC-BCT gửi Thủ tướng Chính phủ về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, trong đó có nội dung quy định về cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận tại khoản 2 Điều 5, với nội dung: “*Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01/01/2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm VAT, tương đương 9,35 UScents/kWh)...*”.

Ngày 28/10/2019, Phương Hoàng K đã tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Trần Tuấn A1 ban hành Văn bản số 8155/BC-ĐL và được Hoàng Quốc V bút phê đồng ý đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận phê duyệt bổ sung quy hoạch Dự án Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam vào quy hoạch P6, theo đó tại mục 5 Văn bản số 8155/BCT-ĐL ngày 28/10/2019 của Bộ C4 nêu nội dung

“Hiện tại, tổng công suất các dự án điện mặt trời đã được bổ sung quy hoạch của tỉnh Ninh Thuận khoảng 2.000 MW, bằng với quy mô công suất cho phép tại Nghị quyết số 115/NQ-CP. Nếu bổ sung quy hoạch Dự án ĐMT Trung Nam 450 MW thì sẽ vượt quá quy mô tại Nghị quyết số 115/NQ-CP, như vậy cơ chế giá điện áp dụng cho Dự án cần được xem xét áp dụng theo Nghị quyết hay theo cơ chế giá điện mới. Trường hợp cho phép Dự án áp dụng theo cơ chế giá điện là 9,35 Uscents/kWh thì các dự án điện mặt trời khác tại tỉnh Ninh Thuận có được phép áp dụng tương tự không?”. Ngày 09/01/2020, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 70/CN-TTg, đồng ý cho Dự án Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam được bổ sung quy hoạch nhưng không cho ý kiến về giá điện.

Ngày 13/11/2019, Chính phủ tổ chức phiên họp Thường trực Chính phủ để xem xét về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo đề xuất của Bộ C4 trong đó có nội dung cụ thể hóa điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ.

Ngày 22/11/2019, Văn phòng C6 có Thông báo 402/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giá điện đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn Ninh Thuận tại Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung: *“Giá điện mặt trời áp dụng đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thực hiện theo đúng quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023; áp dụng cho đến khi tỉnh Ninh Thuận đạt đủ quy mô công suất 2.000MW hoặc đến năm 2020 tùy theo tiêu chí nào đến trước. Giao Bộ C4 và tỉnh Ninh Thuận thực hiện nghiêm”.*

Ngày 06/12/2019, Hoàng Quốc V ký Công văn số 9319/BCT-ĐL gửi Bộ Tư pháp, Bộ T22, Tập đoàn Đ5 đề nghị có ý kiến về Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định đã được hoàn thiện theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 402/TB-VPCP của Văn phòng C6. Trong đó, đối với nội dung liên quan đến việc thực hiện cơ chế chính sách giá điện đặc thù áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Dự thảo Tờ trình kèm theo không đề cập đến, nhưng tại khoản 2 Điều 5 Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg kèm theo vẫn giữ nguyên quy định: *“Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01/01/2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm VAT, tương đương 9,35 Uscents/kWh)”.*

Ngày 12/12/2019, Tập đoàn Đ5 có Công văn số 6774/EVN-TTĐ gửi Bộ C4 góp ý Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung: *“Đối với danh sách các dự án điện mặt trời tại tỉnh Ninh Thuận: EVN đề nghị Bộ C4 công bố luôn danh sách các dự án vào Phụ lục của Quyết định tương tự như các dự án*

nêu tại mục 1 trên đây, dự án COD tích lũy kế đạt 2.000MW hoặc COD trước 31/12/2020 tùy điều kiện nào đến trước sẽ được hưởng giá FIT 9,35 Uscents/kWh. EVN gửi kèm theo văn bản này danh sách các dự án tại Ninh Thuận đã ký PPA với EVN trừ các dự án đã COD toàn bộ nhà máy trước 30/6/2019 theo Phụ lục 2 kèm theo”. Về ý kiến này của Tập đoàn Đ5, Bộ C4 có ý kiến việc công bố danh sách dự án là không phù hợp, vì phụ thuộc vào tiến độ triển khai và công nhận ngày vận hành thương mại (COD) của các dự án.

Trong suốt quá trình xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, Phương H đều nhận được các báo cáo, tờ trình của Cục C4 và Năng lượng tái tạo, thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 16/12/2019, Phương Hoàng K được điều động, bổ nhiệm làm Vụ trưởng V7 - Bộ C4 nhưng vẫn là Tổ trưởng Tổ soạn thảo Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Ngày 17/12/2019, Bộ Tư pháp có Quyết định số 3098/QĐ-BTP thành lập Hội đồng thẩm định Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, gồm 15 thành viên, trong đó ông Lê Đại H6 làm Chủ tịch Hội đồng, bà Nguyễn Thúy H7 làm Thư ký Hội đồng và 13 thành viên khác thuộc các đơn vị.

Ngày 31/12/2019, Hoàng Quốc V ký Tờ trình số 10170/BCT-ĐL gửi Thủ tướng Chính phủ trình Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, trong đó vẫn giữ nguyên quy định về diện đối tượng và điều kiện được áp dụng chính sách giá điện ưu đãi áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như các dự thảo trước là *“các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch điện lực các cấp”*, không thực hiện điều chỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời không công bố công khai danh sách các dự án thuộc diện đối tượng được hưởng chính sách giá điện ưu đãi theo đề nghị của Tập đoàn Đ5.

Ngày 31/12/2019, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 284/BCTĐ-BTP đối với Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg; ngày 07/01/2020, Bộ T22 có Công văn số 186/BTC-QLG gửi Bộ C4 tham gia ý kiến vào Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. 02 đơn vị này không tham gia ý kiến về diện đối tượng và điều kiện được hưởng giá điện ưu đãi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Ngày 16/01/2020, Văn phòng C6 có Công văn số 429/VPCP-CN gửi Bộ C4, Bộ T22 về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, với nội dung: Về Tờ trình số 10170/BCT-ĐL, Phó Thủ tướng Trịnh Đình D3 có ý kiến: Bộ T22 khẩn trương có ý kiến tham gia đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gửi Bộ C4 để nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo tại Thông báo số 402/TB-VPCP. Bộ C4 khẩn trương tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Công văn số 284/BCTĐ-BTP và ý kiến tham gia của Bộ T22 để hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 04/02/2020, Thường trực Chính phủ tổ chức cuộc họp về phát triển năng lượng tái tạo và những vấn đề liên quan an ninh kinh tế. Ngày 07/02/2020, Văn phòng C6 có Thông báo số 14/TB-VPCP, thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp, trong đó Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: “*Bộ C4 khẩn trương hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam theo Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 402/TB-VPCP ngày 22/11/2019 của Văn phòng C6*”.

Tại Báo cáo số 06/BC-BCT ngày 06/02/2020, Báo cáo số 10/BC-BCT ngày 26/02/2020 gửi Thủ tướng Chính phủ trình duyệt Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, Bộ C4 vẫn giữ nguyên quy định về diện đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi áp dụng cho các dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như các dự thảo trước là “*các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp*”, không thực hiện điều chỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 402/TB-VPCP.

Ngày 10/3/2020, Văn phòng C6 có Phiếu trình giải quyết công việc số 2327/PTr-CN gửi Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân P1 về Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Tại Phiếu trình này, ngày 18/3/2020, Thủ tướng Nguyễn Xuân P1 bút phê chỉ đạo giao cho ông Trịnh Đình D3 - Phó Thủ tướng xem xét, quyết định “*giao a D3 PTT xem xét và quyết định việc này đúng p/luật, đúng thẩm quyền, chống tiêu cực tham nhũng, công khai minh bạch, không được lợi dụng chủ trương mà Thủ tướng đã kết luận*”.

Ngày 06/4/2020, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình D3 ký Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, trong đó khoản 3 Điều 5 quy định: “*Đối với tỉnh Ninh Thuận, giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nối lưới đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và có ngày vận hành thương mại trước ngày 01/01/2021 với tổng công suất tích lũy không quá 2.000MW là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương với 9,35 UScents/kWh, theo tỷ giá trung tâm của Đ8 với đô la Mỹ do Ngân hàng N5 công bố ngày 10/4/2017 là 22.316 đồng/USD), được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại*”.

Ngày 20/4/2020, Hoàng Quốc V ký Văn bản số 2794/BCT-ĐL về việc thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam với nội dung: *Căn cứ Quyết định 13, Bộ C4 yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố và Tập đoàn Đ5 chỉ đạo, đôn đốc và phối hợp với Chủ đầu tư các dự án ĐMT, hệ thống ĐMT mái nhà đáp ứng tiêu chí áp dụng giá bán điện được quy định tại Điều 5, Điều 8 của Quyết định 13 để thực hiện các thỏa thuận cần thiết (bao gồm các thỏa thuận tại địa phương và chuyên ngành điện lực) nhằm triển khai đầu tư, xây dựng kịp thời đưa vào vận hành trước ngày 01/01/2021.*

Ngày 18/6/2020, Hoàng Quốc V tiếp tục ký Văn bản số 4398/BCT-ĐL về việc “giá FIT áp dụng cho các dự án ĐMT trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận” gửi Tập đoàn Đ5 với nội dung: *BCT đề nghị EVN tổ chức thực hiện thanh toán tiền bán điện cho các Nhà máy ĐMT trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã được EVN công nhận công suất đưa vào vận hành thương mại sau ngày 30/6/2019 và có tổng công suất lũy kế dưới 2.000 MW với giá bán điện được quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định 13.*

Trong các ngày 31/7/2020, 19/8/2020, 09/9/2020, 25/9/2020 và 14/10/2020, Tập đoàn Đ5 đã có 05 văn bản gửi Bộ C4 xin ý kiến về giá điện theo khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, trong đó có việc thông báo tổng công suất tích lũy vận hành thương mại của các Nhà máy điện mặt trời tại tỉnh Ninh Thuận sau khi Nhà máy Đ6 450MW vận hành thương mại đã vượt quá 2.000MW và đề nghị Bộ C4 sớm phê duyệt danh sách các dự án Nhà máy Điện mặt trời (và phần công suất MW tương ứng của từng dự án) tại tỉnh Ninh Thuận được hưởng cơ chế về giá điện theo khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg để Tập đoàn Đ5 có cơ sở thực hiện thanh toán cho các Nhà máy điện trên, nhưng Bộ C4 không có văn bản trả lời.

Trong quá trình đang xây dựng dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, ông Nguyễn Tâm T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Đ3 và nhân viên của ông T1 nhiều lần đến gặp Hoàng Quốc V và ông Nguyễn Tất P2 - Thư ký của Hoàng Quốc V để xin cho Dự án T được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 UScents. Hoàng Quốc V khai nhận mỗi lần gặp, ông Nguyễn Tâm T1 - Chủ tịch và nhân viên đều gửi quà cho V, trong đó 06 lần gửi mỗi lần 100.000.000 đồng, 01 lần gửi 200.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng để cảm ơn. Ngày 03/11/2020, sau khi Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam đã đưa vào vận hành thương mại và Hoàng Quốc V chuẩn bị chuyển công tác đến làm Chủ tịch Tập đoàn D7, ông Nguyễn Tâm T1 và ông Hoàng Văn H1 đã đến gặp và gửi cho V túi quà, bên trong có 500.000.000 đồng để chúc mừng. Ngoài ra, vào thời điểm năm 2018, khi Hoàng Quốc V chủ trì Đoàn kiểm tra tiến độ các dự án theo Quy hoạch Điện VII điều chỉnh, ông Nguyễn Tâm T1 có đưa cho Hoàng Quốc V số tiền 200.000.000 đồng làm quà. Tổng số tiền Hoàng Quốc V đã nhận của Công ty TNHH Đ3 là 1,5 tỷ đồng (tuy nhiên, ông Nguyễn Tâm T1 không thừa nhận về việc đưa tiền).

Đối với Phương Hoàng K, trong quá trình đang xây dựng dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, ông Nguyễn Tâm T1 đã trực tiếp gặp Phương Hoàng K xin cho Dự án T được bổ sung quy hoạch nhanh để kịp được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 UScents và nhiều lần đến gặp Phương Hoàng K để thúc giục đẩy nhanh tiến độ, giải quyết nhanh hồ sơ quy hoạch của Nhà máy Đ6. Trong một số lần gặp Nguyễn Tâm T1 đã biếu quà là rượu Chivas 25 kèm theo hộp Yên Sào Ninh Thuận cho Phương Hoàng K. Ngoài ra, ông Nguyễn Tâm T1 còn chỉ đạo ông Đặng Công C2 - Phó Giám đốc Công ty TNHH Đ3 đến Phòng Kế hoạch và

Quy hoạch gặp cán bộ phụ trách dự án thúc giục sớm soạn thảo văn bản xin ý kiến các ban, ngành để dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam sớm được bổ sung quy hoạch (tuy nhiên, Phương Hoàng K không thừa nhận nội dung này).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định: Từ ngày 31/8/2018 đến tháng 4/2020, ông Nguyễn Tâm T1 đã nhiều lần đến trụ sở Bộ C4 gặp Hoàng Quốc V, ông Nguyễn Tất P2 - Thư ký của Hoàng Quốc V và Phương Hoàng K.

Sau khi Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg được ban hành, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có tổng cộng 30 Dự án đang được hưởng chính sách giá điện 9,35 UScents/kWh, trong đó 28 Dự án đủ điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi và 02 Dự án không đủ điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi theo Nghị quyết số 115/NQ-CP (bổ sung quy hoạch sau ngày 31/8/2018), gồm: ⁽¹⁾ Dự án Nhà máy Đ6, công suất thiết kế 35 MWp, được Bộ C4 bổ sung quy hoạch ngày 27/12/2018, vận hành thương mại ngày 06/7/2020; ⁽²⁾ Dự án Nhà máy Đ6, công suất thiết kế 450MW, được Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch ngày 09/01/2020, vận hành thương mại ngày 01/10/2020. Từ tháng 7/2020 đến tháng 01/2023, Tập đoàn Đ5 đã mua điện và thanh toán cho 02 Nhà máy điện mặt trời trên số tiền cụ thể như sau:

+ Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 30/6/2024, Tập đoàn Đ5 đã thanh toán mức giá 9,35 UScents/kWh cho Dự án Nhà máy Đ6 với tổng số tiền 412.036.736.339 đồng; số tiền chênh lệch cao hơn so với mức giá 7,09 UScents/kWh là: 99.593.912.849 đồng.

+ Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/9/2023, Tập đoàn Đ5 đã thanh toán mức giá 9,35 UScents/kWh cho Dự án Nhà máy Đ6 với tổng số tiền 3.905.663.480.367 đồng; số tiền chênh lệch cao hơn so với mức giá 7,09 UScents/kWh là: 944.042.723.598 đồng.

Tổng thiệt hại của Tập đoàn Đ5 là: **1.043.636.636.447** đồng.

2. Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc cấp Giấy phép hoạt động điện lực; công nhận ngày vận hành thương mại và hoàn thuế GTGT cho Dự án Nhà máy Đ6, huyện L, tỉnh Bình Phước:

2.1. Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của các bị cáo Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8 thuộc Cục C4 trong việc cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho Nhà máy Đ6:

* Chức trách, nhiệm vụ được phân công: ⁽¹⁾ **Trịnh Văn Đ** là Chuyên viên Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng thuộc Cục C4 được giao trực tiếp thẩm định hồ sơ, dự thảo Báo cáo thẩm định; Dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực; ⁽²⁾ **Trần Quốc H8**, Phó Trưởng phòng Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng có nhiệm vụ thẩm định lại, ký vào bản báo cáo thẩm định do Trịnh Văn Đ dự

thảo, ký nháy vào Giấy phép hoạt động điện lực trình ông Nguyễn Anh T15, Cục trưởng ký cấp Giấy phép hoạt động điện lực.

* *Hành vi đã thực hiện:* Ngày 28/5/2018, UBND tỉnh B có Văn bản số 1447/UBND-TH đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ C4 xem xét phê duyệt bổ sung dự án Nhà máy Đ6, tỉnh Bình Phước vào Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định, đề xuất của Bộ C4 tại Văn bản số 8486/BCT-ĐL ngày 18/10/2018; ngày 06/11/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Văn bản số 1546/TTg-CN phê duyệt bổ sung dự án Nhà máy Đ6, tỉnh Bình Phước vào Quy hoạch Điện VII điều chỉnh, với nội dung chính: Dự án Nhà máy Đ6, tỉnh Bình Phước, gồm 05 Nhà máy Đ6 (công suất 200MWp), L (công suất 200MWp), L (công suất 150MWp), L (công suất 200MWp) và Lộc Ninh 5 (công suất 50MWp); địa điểm xây dựng: Xã L và xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; chủ đầu tư: Công ty cổ phần T24.

Căn cứ phê duyệt quy hoạch điện lực tại Văn bản số 1546/TTg-CN ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ra các Quyết định chủ trương đầu tư số 2659/QĐ-UBND ngày 21/11/2018, số 2924/QĐ-UB ngày 24/12/2018 và số 1777/QĐ-UBND ngày 26/8/2019, chấp thuận cho Công ty cổ phần N3 3 được đầu tư xây dựng Dự án nhà máy Đ6; công suất 150MWp; vị trí xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, với diện tích khoảng 1.603.600m² đất trồng cao su thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH T25.

Ngày 25/4/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định 805/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án Nhà máy Đ6 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Dự án Nhà máy Đ6 được Cục C4 và Năng lượng tái tạo Bộ C4 thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng (thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật) tại các Văn bản số 1056/ĐL-NLTT ngày 25/6/2019, số 2141/ĐL-NLTT ngày 25/12/2019 và số 1536/ĐL-NLTT ngày 30/9/2020, phê duyệt địa điểm xây dựng nhà máy tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Sau khi được phê duyệt các thủ tục đầu tư, xây dựng, do không thực hiện được thỏa thuận đền bù tài sản trên đất của Công ty TNHH T25 tại xã L để xây dựng Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3, nên ngày 23/9/2020, Công ty cổ phần N3 3 có các văn bản báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh B về việc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận vị trí mới xây dựng Nhà máy điện mặt trời L tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, với diện tích 1.494.900m² đất rừng sản xuất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH MTV N3; đồng thời có Công văn số 939/TTr-CSLN ngày 23/9/2020 gửi tập đoàn C8 xin phê duyệt giá bồi thường, thanh lý cây cao su, bàn giao đất về địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Đ6. Ngày 09/10/2020, Tập đoàn C8 có Công văn số 710/HĐQTCSVN-KHĐT thống nhất giá đền bù hỗ trợ khi thanh lý vườn cây cao su, keo lai tối thiểu 372.300.000 đồng/ha. Ngày 12/10/2020, Công ty TNHH

MTV N3 và Công ty cổ phần N3 có biên bản họp thống nhất về giá bồi thường, hỗ trợ khi thanh lý vườn cây cao su, keo lai tại Nông trường H thuộc Công ty TNHH MTV N3 để thực hiện đầu tư Nhà máy Đ6 là 45.426.556.800 đồng. Ngày 29/10/2020, UBND tỉnh B có Công văn số 3893/UBND-TH đề nghị Tập đoàn C8 chấp nhận bàn giao đất về địa phương, diện tích 150 ha thuộc xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước để Công ty cổ phần N3 xây dựng Dự án nhà máy điện mặt trời. Ngày 11/12/2020, Tập đoàn C8 có Công văn số 841/HĐQTCSVN-KHĐT gửi UBND tỉnh B, thống nhất chủ trương trả đất về địa phương để thực hiện dự án Nhà máy Đ6.

Trong thời gian UBND tỉnh B đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi vị trí dự án và chuyển mục đích sử dụng đất rừng trồng cao su sang đất xây dựng công trình năng lượng. Tháng 10/2019, UBND tỉnh B có chủ trương cho Công ty cổ phần N3 3 được triển khai thi công một số hạng mục như: Giao thông, thoát nước, hàng rào bảo vệ, hệ thống giá đỡ tấm pin và trong quá trình thực hiện, yêu cầu công ty T26 hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan. Tháng 10/2020, Công ty cổ phần N3 cùng với Công ty TNHH MTV N3 tiến hành chặt cây cao su, cây keo, san ủi và nhận bàn giao mặt bằng trên diện tích 1.490.500m² đất rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV N3 để xây dựng Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3. Sau đó, thông qua Tổng thầu liên danh giữa Công ty P7 (Trung Quốc) và Công ty P8; quản lý dự án: Công ty TNHH A2; tư vấn giám sát: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện lực thành phố H, Công ty cổ phần N3 đã tiến hành các hoạt động xây dựng, lắp đặt các hạng mục công trình và hoàn thành xây dựng Nhà máy điện mặt trời L, công suất 150MWp tại xã L vào ngày 15/12/2020 (đến ngày 31/12/2020, UBND tỉnh B có Quyết định chủ trương đầu tư số 3427 (điều chỉnh lần 2) về việc điều chỉnh địa điểm xây dựng Nhà máy điện mặt trời L từ xã L sang xã L).

Để thực hiện các thủ tục pháp lý xin cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho Nhà máy Đ6, Công ty cổ phần N3 đã thuê Công ty cổ phần H13 - Nhân viên trực tiếp liên hệ với Cục C4 là ông Nguyễn Đức T16. Ngày 11/12/2020, Công ty cổ phần N3 có Văn bản số 31-20/CV-NLLN3, gửi kèm hồ sơ, tài liệu qua Cổng dịch vụ công trực tuyến <http://dichvucong.moit.gov.vn> nghị Cục C4 cấp Giấy phép hoạt động điện lực - lĩnh vực phát điện đối với Nhà máy Đ6. Cùng ngày 11/12/2020, ông Nguyễn Anh T15, Cục trưởng Cục C4, Bộ C4 giao Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng thẩm định, đề xuất giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty N3 3 đối với Nhà máy Đ6. Trịnh Văn Đ, Chuyên viên Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng được lãnh đạo Phòng giao nhiệm vụ thẩm định, đề xuất giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty cổ phần N3. Trịnh Văn Đ đăng nhập tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến <http://dichvucong.moit.gov.vn> tra hồ sơ thấy chưa đủ tài liệu, nên yêu cầu Công ty cổ phần N3 3 bổ sung.

Ngày 15/12/2020, Công ty cổ phần N3 cung cấp bổ sung tài liệu theo yêu

cầu của Cục C4. Sau khi nhận được tài liệu bổ sung, Trịnh Văn Đ in toàn bộ hồ sơ điện tử ra bản giấy. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty cổ phần N3 3 do Trịnh Văn Đ tiếp nhận, thẩm định gồm: Các văn bản, quyết định pháp lý phê duyệt quy hoạch điện lực, Quyết định chủ trương đầu tư, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3 tại xã L, trong đó còn có 04 tài liệu xác định thực tế công trình Nhà máy Đ6 được hoàn thành xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước gồm:

(1)“Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục, giai đoạn thi công xây dựng số LN3-PVSCADA-201202” lập ngày 02/12/2020 giữa Công ty cổ phần N3, Công ty TNHH P8 (tổng thầu EPC), Công ty cổ phần H13 (nhà thầu thi công) và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện lực thành phố H (tư vấn giám sát) xác định: Địa điểm xây dựng Nhà máy Điện mặt trời L tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

(2)“Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục giai đoạn thi công” lập ngày 10/12/2020 giữa Công ty cổ phần N3, liên danh Công ty P7 - Công ty P8 và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện lực thành phố H xác định: Địa điểm xây dựng nhà máy Điện mặt trời L tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

(3) “Báo cáo thông số chính Dự án Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3” số 39-20/CV-NLLN3 ngày 14/12/2020 của Công ty cổ phần N3 3 xác định: Dự án Nhà máy Đ6, quy mô công suất 150 MWp, địa điểm xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, tiến độ xây dựng hoàn thành dự án tháng 12/2020.

(4) “Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy” số 2466/TĐ-PCCC ngày 26/10/2020 của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ xác định công trình Nhà máy Đ6 3 địa điểm xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Trong hồ sơ cũng chưa có các tài liệu thể hiện Nhà máy Đ6 được Cục C4 và Năng lượng tái tạo tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư.

Theo quy định tại Quy trình cấp Giấy phép hoạt động điện lực Mã số: QT.13 ngày 30/11/2018 của Cục C4, tại Bước 5.2.6. Thẩm định hồ sơ: “CVTL hoàn thiện báo cáo kiểm tra hồ sơ kèm theo tờ trình kế hoạch kiểm tra thực tế doanh nghiệp theo lĩnh vực đề nghị trong hồ sơ, trình LĐ. CP và trình LĐC xem xét phê duyệt. Sau khi LĐC phê duyệt kế hoạch, Phòng CP trình LĐC ký ban hành các văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra và các văn bản mời đơn vị có liên quan tham gia quá trình kiểm tra. Phòng C9 phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Cục tổ chức và thực hiện công tác kiểm tra thực tế. Trong hoặc sau quá trình kiểm tra thực tế, nếu nội dung hồ sơ có sự sai khác so với thực tế, CVTL có thể quay trở lại quá trình xem xét, rà soát hồ sơ và yêu cầu bổ sung,

làm rõ thành phần hồ sơ...”. Nhưng Trịnh Văn Đ không lập Tờ trình kế hoạch kiểm tra thực tế doanh nghiệp để trình lãnh đạo Phòng Cấp phép và Lãnh đạo Cục; không tiến hành công tác kiểm tra thực tế doanh nghiệp. Ngày 18/12/2020, Trịnh Văn Đ xây dựng Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động điện lực - lĩnh vực phát điện của Công ty cổ phần N3; dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực đề xuất Cục trưởng Cục C4 ký cấp Giấy phép hoạt động điện lực - lĩnh vực phát điện cho Công ty cổ phần N3 được phép quản lý, vận hành Nhà máy Đ6, công suất 150MWp, tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước và trong ngày 18/12/2020, Trịnh Văn Đ chuyển toàn bộ hồ sơ cùng văn bản dự thảo trên trình Trần Quốc H8, Phó trưởng phòng thẩm định, ký nháy để trình ông Nguyễn Anh T15, Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực duyệt, ký Giấy phép hoạt động điện lực.

Theo Quy trình QT.13, trong hồ sơ phải có Tờ trình kế hoạch kiểm tra thực tế Doanh nghiệp, phải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp, nhưng hồ sơ do Đoàn trình không có các tài liệu trên, đồng thời Trần Quốc H8 khai do lãnh đạo Cục C4 Phòng của Trần Quốc H8 thực hiện việc thẩm định hồ sơ này và ông Nguyễn Ngô P3, Trưởng phòng cấp phép nhắn tin trên nhóm zalo chung của phòng và nhắn tin riêng qua zalo cho Trần Quốc H8, với nội dung: “Hôm nay nếu hồ sơ nào cần trình, anh ký trình luôn CT nhé”, nên Trần Quốc H8 cho rằng lãnh đạo C3 và lãnh đạo phòng quan tâm tới hồ sơ này cần phải làm nhanh (Nguyễn Ngô P3 khai chỉ nhắn tin giao việc, không chỉ đạo gì). Vì vậy, ngay trong ngày 18/12/2020, Trần Quốc H8 đã ký Báo cáo thẩm định hồ sơ, ký nháy bản dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực gửi cùng hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực đến Phòng Pháp chế Cục Điều tiết điện lực thẩm định trước khi trình ông Nguyễn Anh T15, Cục trưởng. Cùng ngày 18/12/2020, bà Phan Đỗ Thu N1, Phó trưởng Phòng Pháp chế, Cục C4 tiếp nhận Báo cáo thẩm định, dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực và hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động điện lực. Sau khi thẩm định, bà Phan Đỗ Thu N1 ký nháy trên dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực, chuyển lại Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng trình. Sau đó, Trịnh Văn Đ đã trình dự thảo Giấy phép hoạt động điện lực, Báo cáo thẩm định và hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động điện lực đến ông Nguyễn Anh T15, Cục trưởng duyệt, ký Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020. Nội dung Giấy phép hoạt động điện lực: Cấp phép hoạt động điện lực - lĩnh vực phát điện cho Công ty cổ phần N3 quản lý, vận hành Nhà máy Đ6, công suất 150MWp, tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, thời hạn đến ngày 17/12/2030.

Sau khi được cấp Giấy phép hoạt động điện lực, Công ty cổ phần N3 đã sử dụng Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020 thực hiện việc đóng điện, tiến hành các thử nghiệm, thí nghiệm, công nhận ngày vận hành thương mại, chốt chỉ số công tơ, vận hành Nhà máy Đ6 bán điện thương mại cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Đ5, được hưởng giá ưu đãi bán điện 7,09 uscent/kWh theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của

Thủ tướng Chính phủ. Tổng số tiền Công ty M1 đã trả cho Công ty cổ phần N3 3 từ tháng 12/2020 đến hết tháng 11/2022 là 749.914.442.575 đồng. So với giá điện thoả thuận và thanh toán thực tế cho các Nhà máy điện mặt trời chuyển tiếp bằng khung giá trần 1.184,90 đồng/kwh theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ C4, thì việc Công ty M1 điện thanh toán cho Công ty cổ phần N3 3 theo giá cố định (FIT 2) quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, có giá cao hơn là 459,1 đồng/kwh, tương đương 27,92%, cụ thể: $749.914.442.575 \text{ đồng} \times 27,92\% = 209.376.112.366 \text{ đồng}$.

Như vậy, hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8 trong việc thẩm định hồ sơ, đề xuất ký cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020 cho Công ty cổ phần N3 3 trái quy định, đã gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền là: **209.376.112.366 đồng**.

2.2. Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của các bị cáo Trương Hoàng D5, Đỗ Ngọc T17, Nguyễn Hữu K1, Nguyễn Danh S1 thuộc Công ty mua bán điện - Tập đoàn Đ5 trong việc công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6:

* *Chức trách, nhiệm vụ được phân công:* ⁽¹⁾ **Trương Hoàng D5**, Kỹ sư Phòng Kỹ thuật và Công nghệ thông tin có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh doanh bán điện tiến hành nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm điện năng và kiểm tra công suất lắp đặt thực tế Nhà máy Đ6 3 phục vụ việc công nhận ngày vận hành thương mại (COD); ⁽²⁾ **Đỗ Ngọc T17** - Chuyên viên Phòng kinh doanh mua điện có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định và đề xuất Phòng Kinh doanh mua điện, Giám đốc Công ty Mua bán điện duyệt ký Văn bản số 7124/EPTC-KDMĐ ngày 30/12/2020 về việc thống nhất ngày vận hành thương mại Nhà máy Đ6; ⁽³⁾ **Nguyễn Hữu K1** - Trưởng phòng có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Phòng K5 thông tin, Phòng kinh doanh bán điện để tiến hành kiểm tra, thẩm định, đề xuất Giám đốc Công ty M1 điện ký ban hành văn bản công nhận COD cho nhà máy điện; ⁽⁴⁾ **Nguyễn Danh S1** - Giám đốc Công ty Mua bán điện có nhiệm vụ ký kết hợp đồng mua bán điện, chỉ đạo các phòng chức năng thực hiện các thủ tục kiểm tra, nghiệm thu, tiếp nhận hồ sơ để thẩm định, ký văn bản công nhận ngày vận hành thương mại đối với các dự án nhà máy điện.

* *Hành vi đã thực hiện:* Ngày 29/6/2019, Công ty cổ phần N3 do ông Đinh Công T18 làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật và Công ty M1 điện thuộc Tập đoàn Đ5 do Nguyễn Danh S1 làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật ký Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH 3.

Nội dung chính của Hợp đồng quy định: “*Cùng nhau thoả thuận ký Hợp đồng mua bán điện để mua, bán điện được sản xuất từ Nhà máy Đ6 3, do Bên bán điện đầu tư xây dựng và vận hành tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước*”.

Khoản 16 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH 3 quy định: “Ngày vận hành thương mại là ngày một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện mặt trời nối lưới sẵn sàng bán điện cho bên Mua điện và thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Nhà máy điện hoàn thành các thử nghiệm ban đầu đối với một phần của nhà máy điện mặt trời nối lưới và các trang thiết bị đấu nối; (ii) Nhà máy điện mặt trời đã được cấp Giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện; (iii) Hai bên chốt chỉ số công tơ để bắt đầu thanh toán”.

Phụ lục B - Thông số kỹ thuật Nhà máy điện của Hợp đồng số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH quy định: “Địa điểm nhà máy điện: xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước”. Phụ lục F - Thanh toán tiền điện Bên bán điện nhận từ Bên mua của Hợp đồng số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH quy định: “Yêu cầu kỹ thuật có địa điểm sử dụng điện là Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước”.

Ngày 22/6/2020, Công ty cổ phần N3 và Công ty M1 điện do Nguyễn Danh S1 làm Giám đốc ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 đối với Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH 3.

Khoản 2 Điều 1 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 thỏa thuận về Giá bán điện quy định: “a) Giá điện (G). Giá mua điện của Nhà máy Đ6 được áp dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam, cụ thể như sau:

- Trường hợp một phần Nhà máy điện hoặc toàn bộ Nhà máy điện vận hành thương mại từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 31/12/2020:

- + Giá mua điện của phần Nhà máy điện hoặc toàn bộ Nhà máy điện tại Điểm giao nhận là 1.644 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế VAT, tương đương 7,09 Uscent/kWh, theo tỷ giá do Ngân hàng N5 công bố ngày 10/3/2020. Giá mua điện được áp dụng 20 năm kể từ Ngày vận hành thương mại.

- + Giá mua điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD tại thời điểm thanh toán....

- Trường hợp một phần Nhà máy điện hoặc toàn bộ Nhà máy điện vận hành thương mại sau ngày 31/12/2020 (nếu có): Giá mua điện và Hợp đồng mua bán điện của một phần Nhà máy điện hoặc toàn bộ Nhà máy điện được thực hiện khi có quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Nhà máy điện không được áp dụng cơ chế hỗ trợ giá cho sản lượng điện của dự án theo quy định hiện hành...”.

Ngày 16/12/2020, Công ty cổ phần N3 và Công ty M1 điện do Nguyễn Danh S1 đại diện ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 đối với Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH 3.

Khoản 16 Điều 2 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 quy định: “Ngày vận

hành thương mại của dự án Nhà máy điện hoặc một phần dự án Nhà máy điện mặt trời nổi lưới là ngày toàn bộ hoặc một phần công trình điện mặt trời sẵn sàng bán điện cho bên Mua điện và thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Hoàn thành công tác nghiệm thu, các thử nghiệm ban đầu đối với toàn bộ một phần công trình theo quy định; (ii) Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện; (iii) Bên bán điện và Bên mua điện chốt chỉ số công tơ để bắt đầu thanh toán. Thử nghiệm ban đầu gồm: (x) Thử nghiệm khả năng phát/nhận công suất phản kháng; (xx) Thử nghiệm kết nối ACG; (xxx) Thử nghiệm tin cậy”.

Ngày 19/11/2020, Công ty cổ phần N3 có Văn bản số 07-20/TTr-NLLN3 đề nghị Công ty M1 điện và Trung tâm Đ9 thống nhất “Phương án” thử nghiệm và đăng ký đóng điện hoà lưới lần đầu, chạy thử, nghiệm thu Nhà máy Đ6 3 kèm theo “Chương trình” chạy thử nghiệm phục vụ công nhận Ngày vận hành thương mại (gọi tắt là COD).

Ngày 14/12/2020, Công ty cổ phần N3 có Văn bản số 35-20/TTr-NLLN3 đề nghị Công ty M1 mang tải hệ thống đo đếm điện năng và chốt chỉ số công tơ điện năng Nhà máy Đ6, xác định địa điểm nghiệm thu Nhà máy Đ6 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (toàn bộ thủ tục pháp lý xin công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6 được Công ty cổ phần N3 thuê Công ty cổ phần H13 thực hiện - Nhân viên trực tiếp liên hệ với Cục C4 là ông Nguyễn Đức T16).

Ngày 15/12/2020, Công ty M1 có Văn bản số 6702/EPTC-KTCNTT thống nhất các nội dung chính của “Chương trình” chạy thử phục vụ công nhận COD và đề nghị Công ty cổ phần N3 3 làm việc với cấp điều độ có quyền điều khiển (Trung tâm Đ9 và Trung tâm điều độ Hệ thống điện miền Nam A) để đăng ký kế hoạch cụ thể, thông báo cho Công ty M1 điện phối hợp chốt chỉ số công tơ điện sau khi hoàn thành thử nghiệm.

Ông Lê Khắc H9 - Phó Giám đốc, phụ trách kỹ thuật Công ty Mua bán điện giao Phòng Kỹ thuật và Công nghệ thông tin chủ trì, xử lý đề nghị của Công ty cổ phần N3 3 theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 14 Quyết định số 1314/QĐ-EPTC ngày 20/3/2020 của Công ty M1 điện. Ông Nguyễn Đức H10 - Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật và Công nghệ thông tin giao Trương Hoàng D5, Kỹ sư Phòng Kỹ thuật và công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Phòng kinh doanh bán điện thuộc Công ty Mua bán điện thực hiện. Ngày 22/12/2020, Trương Hoàng D5 ký Tờ trình số 819/KTCNTT đề xuất kế hoạch nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm điện và kiểm tra công suất lắp đặt thực tế Nhà máy Điện mặt trời L với các thành viên gồm: Trương Hoàng D5, ông Lê Minh T19 là Kỹ sư Phòng Kỹ thuật và công nghệ thông tin, ông Tăng Hải N2 là Phó Trưởng phòng Phòng kinh doanh bán điện tham gia nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm Nhà máy Đ6, 2, 3, 4, 5 và trình ông Nguyễn Đức H10, ông Lê

Khắc H9 phê duyệt; đồng thời dự thảo Văn bản số 6874/EPTC-KTCNTT ngày 22/12/2020 trình ông Nguyễn Đức H10, ông Lê Khắc H9 duyệt ký phát hành gửi Công ty cổ phần N3 thống nhất kế hoạch nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm điện năng và kiểm tra công suất lắp đặt thực tế Nhà máy Đ6. Văn bản số 6874/EPTC-KTCNTT của Công ty M1 điện được gửi đến Công ty T27, Trung tâm Đ9 và Công ty T28 điện miền N để phối hợp thực hiện.

Theo nhiệm vụ được phân công, tại hiện trường Nhà máy Đ6 thuộc xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, Trương Hoàng D5 có nhiệm vụ chủ trì việc kiểm tra, đại diện Công ty M1 điện ký Biên bản kiểm tra công suất lắp đặt thực tế; ông Tăng Hải N2 có nhiệm vụ kiểm tra cấu hình nhà máy, kiểm tra tờ khai hải quan nhập khẩu tấm pin và thiết bị inverter và ký Biên bản nghiệm thu mang tải hệ thống đo đếm điện năng; ông Lê Minh T19 có nhiệm vụ kiểm tra công suất thực tế nhà máy, đo bức xạ các tấm pin, kiểm tra ảnh chụp khu vực tấm pin với bản vẽ mặt bằng nhà máy.

Trước và trong quá trình kiểm tra công suất lắp đặt thực tế, Trương Hoàng D5, ông Tăng Hải N2, ông Lê Minh T19 được Công ty cổ phần N3 3 cung cấp hồ sơ gồm 18 văn bản, tài liệu làm căn cứ tiến hành việc kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra công suất lắp đặt thực tế thể hiện Dự án Nhà máy Đ6, trong đó có các tài liệu thể hiện Nhà máy Điện mặt trời Lộc Ninh 3 được phê duyệt địa điểm xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, nhưng thực tế nhà máy được xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Bản thân Trương Hoàng D5 cũng biết rõ Nhà máy Đ6 3 được xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Từ 15 giờ ngày 25/12/2020 đến 11 giờ ngày 26/12/2020, ông Tăng Hải N2, ông Lê Minh T19 tiến hành nghiệm thu mang tải hệ thống đo đếm điện năng Nhà máy Đ6 3 theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 của Bộ C4. Ông Tăng Hải N2 đại diện Công ty Mua bán điện ký “Biên bản nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm điện năng Nhà máy Đ6” hồi 11 giờ 00’ ngày 26/12/2020 với Công ty cổ phần N3, Công ty T27 và Công ty T28, kết luận: *Thống nhất nghiệm thu hệ thống đo đếm điện năng phục vụ mua bán điện Nhà máy Đ6.*

Hồi 11 giờ 00’ ngày 27/12/2020, Trương Hoàng D5 đại diện Công ty Mua bán điện lập và ký “Biên bản về việc kiểm tra công suất lắp đặt thực tế Nhà máy điện Lộc Ninh 3” với Công ty cổ phần N3, xác định: *Cấu hình lắp đặt thực tế của Nhà máy Đ6 3 theo “Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình đưa vào sử dụng” và theo các Tờ khai hải quan nhập khẩu thiết bị, thì kết quả kiểm tra, đo công suất thực tế phù hợp với kết quả tính toán theo thiết kế; cấu hình Nhà máy Đ6 **phù hợp với thẩm định thiết kế của Cục C4 và năng lượng tái tạo, phù hợp với Hợp đồng mua bán điện***” (trong quá trình kiểm tra thực tế, Trương Hoàng D5 khai đã được Nguyễn Đức T16 - nhân viên Công ty H13 bồi dưỡng 30.000.000 đồng; Nguyễn Đức T16 không thừa nhận

nội dung này).

“Biên bản về việc kiểm tra công suất lắp đặt thực tế” Nhà máy Đ6 3 được Trương Hoàng D5 mang về Công ty Mua bán điện, lưu giữ tại Phòng K5 thông tin để làm căn cứ phục vụ cho việc công nhận COD Nhà máy Đ6 3 theo quy trình tại Quyết định số 1010/QĐ-Tập đoàn Đ5 ngày 10/7/2020 của EVN, Hợp đồng mua bán điện và 02 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Mua bán điện và Công ty cổ phần N3.

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra công suất lắp đặt thực tế; ngày 30/12/2020, Công ty cổ phần N3 có Văn bản số 44-20/CV-NLLN3, gửi kèm hồ sơ đề nghị Công ty Mua bán điện công nhận COD cho Nhà máy Đ6, kể từ 15 giờ ngày 26/12/2020 để làm cơ sở thực hiện việc mua bán, thanh toán tiền mua bán điện, hồ sơ gồm các tài liệu:

(1) Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOC NINH 3 ký ngày 29/6/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ký ngày 22/6/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ký ngày 16/12/2020 giữa Công ty cổ phần N3 và Công ty M1 điện thuộc Tập đoàn Đ5, địa điểm xây dựng nhà máy tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;

(2) Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020 của Cục C4, Bộ C4 được cấp cho Nhà máy Đ6 3 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;

(3) Biên bản thử nghiệm kết nối vào Hệ thống tự động điều chỉnh công suất tổ máy (AGC) số 4702/BB-ĐĐQG ngày 23/12/2020 và Biên bản thử nghiệm khả năng phát, nhận công suất phản kháng số 4702/BB-ĐĐQG ngày 23/12/2020 Nhà máy Điện mặt trời Lộc Ninh 3 giữa Trung tâm Đ9 (A0) và Công ty cổ phần N3;

(4) Biên bản nghiệm thu vận hành tin cậy Nhà máy Điện mặt trời Lộc Ninh 3 ngày 26/12/2020 giữa Công ty cổ phần N3, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Điện lực thành phố H (tư vấn giám sát) và Liên danh PCZ/PCV (nhà thầu thi công);

(5) Biên bản chốt chỉ số công tơ hệ thống đo đếm điện năng sau khi chạy thử nghiệm được lập ngày 30/12/2020 và Biên bản kiểm tra hiện trường công suất lắp đặt thực tế ngày 27/12/2020 Nhà máy Đ6 giữa Công ty M1 và Công ty cổ phần N3 (do Trương Hoàng D5 thực hiện kiểm tra và ký đại diện);

(6) Các biên bản nghiệm thu công trình, hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng của Nhà máy Đ6 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;

(7) Sơ đồ nối điện chính, Sơ đồ mặt bằng toàn bộ Nhà máy Đ6;

(8) Các thông tin về cấu hình và các hồ sơ liên quan đến hiệu suất tấm Pin của Nhà máy Đ6.

Ngoài ra, trong thành phần hồ sơ Nhà máy Đ6 3 được xây dựng tại xã L,

huyện L, tỉnh Bình Phước chưa được cấp giấy phép xây dựng; chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chưa được giao đất, cho thuê đất; Nhà máy Đ6 3 chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục C4 và năng lượng tái tạo Bộ C4) có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư.

Ngày 30/12/2020, hồ sơ đề nghị công nhận COD Nhà máy Đ6 được Phòng Kinh doanh mua điện Công ty Mua bán điện chủ trì tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định và đề xuất xử lý theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Quyết định số 1314/QĐ-EPTC ngày 20/3/2020 của Công ty M1 điện. Nguyễn Hữu K1 - Trưởng phòng Kinh doanh mua điện phân công Đỗ Ngọc T17 - Chuyên viên kiểm tra, thẩm định và đề xuất. Cùng ngày 30/12/2020, Đỗ Ngọc T17 đã dự thảo văn bản công nhận ngày vận hành thương mại, đề xuất, trình Nguyễn Hữu K1, Nguyễn Danh S1 duyệt, ký ban hành Văn bản số 7124/EPTC-KDMĐ ngày 30/12/2020 về việc Công ty M1 công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6 kể từ 15 giờ 00 phút ngày 26/12/2020 (sau khi Nhà máy Đ6 được công nhận COD, Đỗ Ngọc T17 được Nguyễn Đức T16 - Công ty H13 đưa cảm ơn 10.000.000 đồng, ngoài ra ông T16 còn đưa cho T17 20.000.000 đồng để cảm ơn việc công nhận COD cho Nhà máy Đ6, 2; Nguyễn Hữu K1 được Nguyễn Đức T16 đưa cảm ơn 30.000.000 đồng - Nguyễn Đức T16 không thừa nhận nội dung này).

Sau khi được công nhận COD, Công ty cổ phần N3 đã thực hiện việc đóng điện, chốt chỉ số công tơ, vận hành Nhà máy Đ6 bán điện thương mại cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Đ5, được hưởng giá ưu đãi bán điện 7,09 uscent/kWh theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng số tiền Công ty M1 đã trả cho Công ty cổ phần N3 3 từ tháng 12/2020 đến hết tháng 11/2022 là 749.914.442.575 đồng. So với giá điện thoả thuận và thanh toán thực tế cho các Nhà máy điện mặt trời chuyển tiếp bằng khung giá trần 1.184,90 đồng/kwh theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ C4, thì việc Công ty M1 điện thanh toán cho Công ty cổ phần N3 3 theo giá cố định (FIT 2) quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, có giá cao hơn là 459,1 đồng/kwh, tương đương 27,92%, cụ thể: $749.914.442.575 \text{ đồng} \times 27,92\% = 209.376.112.366 \text{ đồng}$.

Như vậy, hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Trương Hoàng D5, Đỗ Ngọc T17, Nguyễn Hữu K1, Nguyễn Danh S1 trong việc kiểm tra thực tế, thẩm định hồ sơ, ký văn bản công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6 3 trái quy định của pháp luật, đã gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền là: **209.376.112.366 đồng**.

2.3. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của bị cáo Phan Văn S2; thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các bị cáo Trần Văn Đ1, Nguyễn Duy K2, Phạm Quang V3 thuộc Cục thuế tỉnh B

trong việc hoàn thuế Giá trị gia tăng (GTGT) cho Công ty cổ phần N3:

* Chức trách, nhiệm vụ được phân công: ⁽¹⁾ **Phan Văn S2**, là Công chức Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3, được phân công làm Trưởng đoàn kiểm tra thuế đối với đề nghị hoàn thuế của Công ty cổ phần N3; ⁽²⁾ **Trần Văn Đ1**, là Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3, có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ đề nghị hoàn thuế, chuyển Phòng Kế khai - Kế toán thuế trình Lãnh đạo Cục T ra quyết định hoàn thuế; ⁽³⁾ **Phạm Quang V3**, là Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dụ toán - Pháp chế có nhiệm vụ thẩm định, giám sát các hồ sơ hoàn thuế, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, duyệt thẩm định, pháp chế đối với các hồ sơ hoàn thuế; ⁽⁴⁾ **Nguyễn Duy K2**, là Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh B, được phân công phụ trách Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3, có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giải quyết hoàn thuế và duyệt ký quyết định hoàn thuế.

* *Hành vi đã thực hiện*: Ngày 24/5/2021, Công ty cổ phần N3 chuyển hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT qua đường dịch vụ công gồm 75 trang tài liệu đến Cục thuế tỉnh Bình Phước, đồng thời Đặng Hồng D6 - Kế toán Công ty cổ phần N3 cũng gửi vào email cá nhân của Phan Văn S2 75 trang tài liệu nêu trên, trong đó có những tài liệu liên quan đến chủ trương đầu tư, vị trí xây dựng Nhà Đ tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, đồng thời có 06 tài liệu thể hiện việc UBND tỉnh B đang hoàn thiện thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển vị trí xây dựng Nhà máy Đ6 từ xã L sang xã L, cụ thể:

(1) Công văn số 4242/UBND-KT ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh B gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị chuyển đổi vị trí dự án và vị trí chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc Dự án Nhà máy Đ6 (từ xã L sang xã L);

(2) Công văn số 1732/TTg-CN ngày 09/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh vị trí Nhà máy Đ6 (nội dung: Thủ tướng Chính phủ giao Bộ C4 và UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về địa điểm xây dựng dự án);

(3) Công văn số 1537/SCT-NL ngày 24/9/2020 của Sở C10 P4 về việc điều chỉnh vị trí đất để đầu tư xây dựng Nhà máy Đ6 (từ xã L sang xã L);

(4) Công văn số 3991/UBND-TH ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh B về việc điều chỉnh vị trí đất để đầu tư xây dựng Nhà máy Đ6 (từ xã L sang xã L);

(5) Biên bản về việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi thanh lý vườn cây cao su, keo lai số 995/BB-CSLN giữa Công ty cổ phần N3 3 với Công ty TNHH MTV N3 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 45.426.556.800 đồng;

(6) Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 15/12/2020 giữa Chủ đầu tư, Đơn vị giám sát và tổng thầu thi công, trong đó có ghi địa điểm xây dựng Nhà máy Điện mặt trời Lộc Ninh 3 tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;

Cùng ngày 24/5/2021, Công ty cổ phần N3 có Giấy đề nghị hoàn trả

khoản thu ngân sách nhà nước số 001/2021-LN3 đề nghị Cục thuế tỉnh B hoàn trả số tiền 145.137.698.317 đồng tiền thuế GTGT do đã đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Đ6. Cùng ngày, Tổng cục T29 có Thông báo số 052150014300/2021/TB-HĐT gửi Công ty cổ phần N3 3 xác nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử, chuyển kèm Thông báo số 052150014300/2021/TB-HĐT đến Cục thuế tỉnh Bình Phước để giải quyết. Ngày 25/5/2021, Nguyễn Duy K2, Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh B ký Thông báo số 1248/TB-CTBPH-KĐT chuyển hồ sơ đề nghị hoàn thuế của Công ty cổ phần N3 sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau; giao Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3 kiểm tra hồ sơ, đề xuất giải quyết. Ngày 27/5/2021, Nguyễn Duy K2 ký Quyết định số 756/QĐ-CT kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần N3, thành lập Đoàn kiểm tra gồm: Phan Văn S2, ông Nguyễn Thành T20, ông Dương Tú H11 và bà Nguyễn Thị H12, công chức Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3 thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần N3, do Phan Văn S2 làm Trưởng đoàn. Ngày 31/5/2021, Phan Văn S2 ký văn bản phân công công việc cho các thành viên trong Đoàn kiểm tra, cụ thể: Phan Văn S2 - Trưởng đoàn, phụ trách chung, kiểm tra hồ sơ pháp lý và xử lý kết quả kiểm tra; ông Nguyễn Thành T20 kiểm tra sổ sách, hoá đơn chứng từ liên quan đến doanh thu, thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào quý 4/2018 đến quý 4/2020 và các kỳ trước sau có liên quan; ông Dương Tú H11 kiểm tra kê khai nộp thuế vãng lai, thuế nhà thầu và tổng hợp số liệu kỳ hoàn; bà Nguyễn Thị H12 xác minh hoá đơn đầu vào từ quý 4/2018 đến quý 4/2020, nhập ứng dụng và lưu hồ sơ kiểm tra.

Do đang trong thời gian dịch Covid-19 nên Đoàn kiểm tra thuế do Phan Văn S2 (đại diện) thống nhất với bà Huỳnh Thị Hà V4 và bà Đặng Hồng D6, Kế toán Công ty cổ phần N3 3 không tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở Công ty mà giao nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến đề nghị hoàn thuế GTGT của Công ty cổ phần N3 qua hộp thư điện tử để tiến hành kiểm tra. Ngày 14/7/2021, Phan Văn S2 và Công ty cổ phần N3 3 ký Biên bản kiểm tra thuế xác định: “*Dự án Nhà máy Đ6 được Ủy ban nhân dân tỉnh B chấp thuận đầu tư, xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; diện tích: 160,36 ha, nguồn gốc đất: thuộc quyền sử dụng của Công ty T25 được UBND tỉnh phê duyệt dự án chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su tại Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 07/4/2009; Tổng vốn đầu tư dự án là: 3.034,297 tỷ đồng. Dự án được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 và Cục C4 và Năng lượng tái tạo thẩm định phê duyệt Thiết kế cơ sở số 1056/ĐL-NLTT ngày 25/06/2019; thẩm định thiết kế kỹ thuật số 2141/ĐL-NLTT ngày 25/12/2019 và thẩm định thiết kế kỹ thuật điều chỉnh số 1536/ĐL-NLTT ngày 30/09/2020; được Sở Xây dựng tỉnh B có Công văn số 2723/SXD-QLN.QH ngày 26/11/2019 miễn cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; được Cục C4, Bộ C4 cấp Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020 và được Công ty Mua bán điện thoả thuận ngày vận*

hành thương mại Nhà máy Đ6 3 ngày 30/12/2020. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kiến nghị Cục thuế tỉnh B giải quyết hoàn thuế 145.137.698.317 đồng cho Công ty cổ phần N3 3 theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T22; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ T22”.

Cùng ngày 14/7/2021, Phan Văn S2 ký Báo cáo kết quả kiểm tra, đề xuất Lãnh đạo Cục thuế tỉnh B xem xét, duyệt ký Quyết định hoàn thuế cho Công ty cổ phần N3 3 theo kết quả kiểm tra.

Ngày 15/7/2021, Phan Văn S2 lập, ký Phiếu đề xuất hoàn thuế trình Trần Văn Đ1, Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3 phê duyệt, chuyển đến Phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế thẩm định trước khi trình lãnh đạo Cục thuế tỉnh Bình Phước quyết định.

Ngày 19/7/2021, Phạm Quang V3, Phó trưởng Phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế ký Văn bản thẩm định số 442/TĐ-DT-PC thẩm định hồ sơ hoàn thuế của Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3, thống nhất Công ty cổ phần N3 có đầy đủ hồ sơ và đáp ứng các điều kiện để xét hoàn thuế theo quy định.

Sau khi có kết quả thẩm định pháp chế, Phan Văn S2 lập, ký Tờ trình ngày 19/7/2021 về việc ban hành Quyết định hoàn thuế cho Công ty cổ phần N3, được Trần Văn Đ1 và Nguyễn Duy K2 phê duyệt đồng ý.

Ngày 20/7/2021, Nguyễn Duy K2 ký Quyết định hoàn thuế số 199/QĐ-CTBPH-KĐT, quyết định: *“Hoàn trả cho Công ty cổ phần N3; mã số thuế: 3801185573; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà D, C L, phường B, Quận A, Tp .; tổng số tiền thuế được hoàn 145.137.698.317 đồng, được hoàn trả theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T22 được sửa đổi bổ tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ T22”.*

Ngày 21/7/2021, Nguyễn Duy K2 ký Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước số 195/LH-CTBPH-KĐT hoàn trả 145.137.698.317 đồng tiền thuế GTGT cho Công ty cổ phần N3 3 vào tài khoản 0818-102758-401 mở tại Ngân hàng B - Chi nhánh thành phố H.

Đến ngày 12/4/2023, Cục thuế tỉnh B ra Quyết định số 385/QĐ-CT thu hồi 145.137.698.317 đồng tiền hoàn thuế trái pháp luật (sau khi Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 ra Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngày 10/8/2023, Công ty cổ phần N3 đã nộp lại 145.137.698.317 đồng tiền hoàn thuế trái pháp luật vào ngân sách Nhà nước và 27.474.566.291 đồng tiền chậm nộp (sau khi Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 khởi tố vụ án).

Như vậy, hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Phan Văn S2; hành vi thiếu trách nhiệm của Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3, Nguyễn Duy K2 trong việc hoàn thuế GTGT cho Công ty cổ phần N3 3 trái quy

định của pháp luật, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền **145.137.698.317 đồng**.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

Ngày 01/11/2023, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C5 ra Quyết định số trưng cầu giám định số 427/QĐ-ANĐT-P3; ngày 21/12/2023, Phân viện Khoa học hình sự Bộ C5 tại thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 6927/KL-KTHS đã: Phục hồi, trích xuất, in toàn bộ tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc đề nghị hoàn thuế GTGT Dự án Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 3 từ hộp thư điện tử doan.dh@supercorp.vn doan.dh@supercorp.co.th Đặng Hồng Doan, Kế toán Công ty cổ phần N3 gửi đến hộp thư điện tử pvsang.bph@gmail.com Phan Văn Sang và hộp thư điện tử nttrung.bph@gmail.com Nguyễn Thành Trung, Công chức Cục thuế tỉnh Bình Phước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 286/2025/HS-ST ngày 29/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Quốc V phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc V 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc các công ty sau phải trả lại số tiền thiệt hại cho Tập đoàn Đ5. Cụ thể:

- Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận: 99.593.912.849 đồng;
- Công ty TNHH Đ3: 944.042.723.598 đồng.
- Công ty cổ phần N3 3: 209.376.112.366 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phương Hoàng K, Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8, Nguyễn Danh S1, Nguyễn Hữu K1, Đỗ Ngọc T17, Trương Hoàng D5, Phan Văn S2, Nguyễn Duy K2, Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3; xử lý vật chứng tịch thu sung quỹ Nhà nước; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2025, bị cáo Hoàng Quốc V có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt. Ngày 13/5/2025, bị cáo Hoàng Quốc V đã có đơn xin rút đơn kháng cáo. Ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Quốc V.

Ngày 12/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty

TNHH Đ3 không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc Công ty phải trả lại số tiền 944.042.723.598 đồng cho Tập đoàn Đ5 vì Công ty được hưởng số tiền này một cách hợp pháp căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện đã ký với Tập đoàn Đ5.

Ngày 14/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc Công ty trả lại số tiền 99.593.912.849 đồng cho Tập đoàn Đ5, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác bỏ các yêu cầu và nội dung liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận trong bản án sơ thẩm.

Ngày 14/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần N3 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho phép Công ty cổ phần N3 được đối trừ nghĩa vụ hoàn trả số tiền thiệt hại của vụ án (209.376.112.366 đồng) với tổng số tiền mua điện mà Tập đoàn Đ5 còn phải thanh toán cho Công ty là 638.600.532.841 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo Hoàng Quốc V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe yếu, huyết áp cao, suy tim, thoát vị đĩa đệm, bị cáo xin được giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm (đơn có xác nhận của Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H).

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Đ3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của Công ty và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty phải trả lại số tiền 944.042.723.598 đồng cho Tập đoàn Đ5 hoặc căn cứ Điều 30 Bộ luật hình sự, tách phần dân sự của bản án sơ thẩm để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xem xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm các quy định về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty, đã áp dụng không đúng quy định của pháp luật liên quan đến việc xác định trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch Công ty đã được nhận, Công ty không phải là người được hưởng lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật, Công ty không phải là đối tượng chịu trách nhiệm hoàn trả, bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự như viện dẫn tại bản án sơ thẩm, Công ty cũng không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP được viện dẫn tại bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty phải hoàn trả số tiền 99.593.912.849 đồng cho Tập đoàn Đ5.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N3 không đề nghị

sửa đổi điều khoản trong Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOCLINH3, giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị được đối trừ giữa số tiền Công ty cổ phần N3 3 bán điện cho Tập đoàn Đ5 mà hiện nay Tập đoàn Đ5 chưa thanh toán cho Công ty cổ phần N3 với số tiền 209.376.112.366 đồng mà bản án sơ thẩm buộc Công ty cổ phần N3 phải trả lại Tập đoàn Đ5; đồng thời đề nghị được tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán điện số 06/2019/HĐ-NMĐMT-LOCLINH3 đã ký kết. Trong trường hợp không được chấp nhận về phương án đối trừ thì đề nghị cho phép Công ty cổ phần N3 thanh toán làm nhiều lần theo biên bản làm việc giữa hai bên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Đ3 có quan điểm:

Luật sư Đỗ Ngọc Q: Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là không có căn cứ và luận tội của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ vì: Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty TNHH Đ3 mỗi lúc khác nhau. Giai đoạn điều tra không triệu tập Công ty lấy lời khai, chỉ đến phiên tòa sơ thẩm mới triệu tập Công ty ra Tòa với tư cách bị đơn dân sự. Bản án sơ thẩm lại xác định Công ty là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Công ty không được nhận Kết luận điều tra, không được nhận Cáo trạng. UBND tỉnh N có nhiều văn bản gửi Tòa án về việc ghi nhận công lao của Công ty TNHH Đ3 làm căn cứ xác định Công ty được hưởng giá điện 9,35 Uscents/kWh. Tại phiên tòa sơ thẩm các luật sư đề nghị triệu tập người làm chứng, người liên quan trong đó có đại diện UBND tỉnh N nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không chỉ ra được Công ty vi phạm pháp luật như thế nào và không đưa ra được căn cứ pháp lý nào để áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Công ty không phải là người phạm tội, không phải là pháp nhân phạm tội nên việc áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự là hoàn toàn vô lý. Công ty ký Hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Đ5 dựa trên Bộ luật Dân sự, Luật thương mại, Nghị định số 37 của Chính phủ, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bản án sơ thẩm nhận định hành vi của các bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước, hậu quả làm Tập đoàn Đ5 đã chi trả số tiền 1.043.636.636.447 đồng vậy tại sao Tòa án cấp sơ thẩm không buộc các bị cáo phải trả lại số tiền này cho Tập đoàn Đ5 mà lại buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả Tập đoàn Đ5 là vô lý. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, không buộc Công ty phải trả lại Tập đoàn Đ5 số tiền 944.593.912.849 đồng.

Luật sư Bùi Huy T8: Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 20/9/2023 Tập đoàn Đ5 đã thanh toán cho Công ty TNHH Đ3 mức giá 9,35 Uscents/kWh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền chênh lệch là 944.593.912.849 đồng tiền thiệt hại và buộc Công ty trả lại cho Tập đoàn Đ5 là không đúng, đây là khoản thu nhập chính đáng của Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm không đảm bảo quyền tố tụng của

Công ty trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, trong suốt quá trình tố tụng vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm, ngoài giấy triệu tập, Công ty không nhận được bất kỳ văn bản nào khác từ cơ quan tiến hành tố tụng, Công ty không biết việc mình phải tham gia tố tụng trong vụ án để chuẩn bị công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy định về giới hạn xét xử khi áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Công ty TNHH Đ3 là pháp nhân thương mại thì không thể buộc tội cùng với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng không đúng quy định của pháp luật, tự mâu thuẫn với chính mình khi trong phần nhận định của bản án sơ thẩm (trang 37) xác định Công ty không phải là người phạm tội nhưng trong phần quyết định (trang 50) lại tuyên buộc Công ty phải trả lại Tập đoàn Đ5 số tiền thiệt hại 944.593.912.849 đồng là vô lý, không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhầm lẫn tính chất của các khoản tiền mà bị cáo Hoàng Quốc V, P5 Hoàng Kim tự nguyện giao nộp, đây không phải là khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội mà là khoản tiền khắc phục hậu quả, do đó cần phải trả lại cho Tập đoàn Đ5 thay vì tịch thu sung quỹ Nhà nước. Việc xác định số tiền 1,5 tỷ đồng là tiền hưởng lợi trái pháp luật chỉ dựa vào lời khai của bị cáo Hoàng Quốc V là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ qua, không nhận định về các ý kiến nêu tại phiên tòa sơ thẩm về Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ “về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam” và Hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn Đ5 với Công ty TNHH Đ3 hiện vẫn đang có hiệu lực pháp luật là vi phạm điểm c, d khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định 13 hiện vẫn có hiệu lực pháp luật, tại bản án sơ thẩm kiến nghị Bộ C4, chính Tòa án cấp sơ thẩm gián tiếp công nhận Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg đang có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg còn hiệu lực hay không. Bản án sơ thẩm cho rằng Tập đoàn Đ5 bị thiệt hại là không đúng, Tập đoàn Đ5 hoàn toàn không bị thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, hủy bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp liên quan đến Công ty TNHH Đ3 hoặc căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty TNHH Đ3 không phải hoàn trả Tập đoàn Đ5 số tiền 944.593.912.849 đồng.

Luật sư Trịnh Văn T6: Công ty TNHH Đ3 có công sức đóng góp trong việc thực hiện dự án, phải tự bố trí kinh phí khoản 2000 tỷ đồng thay Tập đoàn Đ5 đầu tư hệ thống truyền tải 500KV và đã hoàn thành xây dựng trạm biến áp E và đường dây đấu nối 500KV và 220KV đưa vào vận hành đồng bộ trong tháng 11/2020; thay Tập đoàn Đ5 đầu tư hệ thống hạ tầng lưới điện truyền tải 500KV; đồng ý cho các dự án năng lượng tái tạo trong khu vực tham gia đấu nối, giải tỏa công suất; chịu trách nhiệm bồi thường cho Tập đoàn Đ5 theo Hợp đồng mua bán điện với chủ đầu tư Nhà máy N6 tương đương 1 triệu USD/ngày nếu không đảm bảo tiến độ. Như vậy Tập đoàn Đ5 không bị thiệt hại mà còn được hưởng

nhiều lợi ích từ Dự án điện mặt trời của Công ty TNHH Đ3. Công ty TNHH Đ3 ký kết Hợp đồng mua bán điện số 05/2020/HĐ-NMĐMT-THUANNAM.NT với Tập đoàn Đ5 ngày 25/5/2020 căn cứ vào Bộ luật dân sự 2015, Luật thương mại 2005, Luật điện lực 2004, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg, tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Hợp đồng mua bán điện là hợp đồng song vụ và ngang quyền, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình và không hề có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng, do vậy Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại tiền cho Tập đoàn Đ5 liên quan đến nội dung hợp đồng. Bản án sơ thẩm không xác định Công ty có lỗi nhưng lại tuyên Công ty phải trả lại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 944.593.912.849 đồng là vi phạm hợp đồng đã ký kết giữa hai bên dẫn đến các bên không thể thực hiện được hợp đồng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét lỗi của Tập đoàn Đ5 trong việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ sản lượng điện phát của Công ty đang bị Tập đoàn Đ5 tạm giữ 36% từ tháng 10/2023 đến nay (tương đương 1.091 tỷ đồng), không những vậy, Công ty còn phải tự trả chi phí vận hành trạm biến áp và đường dây 500KV do Tập đoàn Đ5 không nhận bàn giao, bản án sơ thẩm không xem xét bất kỳ nghĩa vụ nào của Tập đoàn Đ5 là xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi chính đáng của Công ty TNHH Đ3. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan, toàn diện, đúng tinh thần hiến pháp, pháp luật, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty phải hoàn trả số tiền 944.593.912.849 đồng cho Tập đoàn Đ5 hoặc tách vụ án để chờ có văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm giải quyết triệt để vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của Tập đoàn Đ5 nhất trí với bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã xác định do hành vi phạm tội của các bị cáo dẫn tới Tập đoàn Đ5 phải trả cho các Công ty số tiền cao hơn số tiền đáng lẽ phải trả, như vậy Tập đoàn Đ5 bị thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn Đ5 có quan điểm: Nhất trí với bản án sơ thẩm bởi lẽ: Số tiền 1.043.636.636.447 đồng mà Tập đoàn Đ5 đã thanh toán vượt mức cho Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 3 được nhận đã được xác định là hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự của các bị cáo, do vậy khoản tiền này cần phải được thu hồi hoàn trả Tập đoàn Đ5. Về nguyên tắc pháp lý, hành vi phạm tội không làm chuyển dịch quyền sở hữu tài sản một cách hợp pháp, chủ sở hữu hợp pháp không mất quyền sở hữu. Việc áp dụng bồi thường thiệt hại “trả lại tài sản” trong bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Nghĩa vụ hoàn tài sản của 03 Công ty trong vụ án không thể tách riêng thành một vụ án độc lập mà phải được giải quyết trong vụ án này. Đối với kháng cáo của Công ty cổ phần N3 thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã quyết định tại Mục 4 của bản án sơ

thẩm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của 03 Công ty trên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án:

** Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ3 và Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận có cùng nội dung cho rằng bản án sơ thẩm buộc 02 Công ty trả lại tiền cho Tập đoàn Đ5 là không có căn cứ:*

Kết quả điều tra và xét xử sơ thẩm đã xác định: Hành vi của các bị cáo Hoàng Quốc V (nguyên thứ trưởng Bộ C4) và Phương Hoàng K (nguyên Cục trưởng cục C4 và năng lượng tái tạo Bộ C4) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, cố ý chỉ đạo Cục C4 và Năng lượng tái tạo xây dựng dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo hướng mở rộng diện đối tượng được hưởng giá điện ưu đãi và thống nhất chủ trương đề xuất cho Dự án Nhà máy Đ6 được phê duyệt bổ sung quy hoạch, xin cơ chế giá 9,35 UScents/kWh cho dự án này dẫn đến gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 1.043.636.636.447 đồng, cụ thể:

Sau khi Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg được ban hành, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có tổng cộng 30 dự án đang được hưởng chính sách giá điện 9,35 UScents/kWh, trong đó 28 dự án đủ điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi và 02 dự án không đủ điều kiện được hưởng chính sách giá điện ưu đãi theo Nghị quyết số 115/NQ-CP (do bổ sung quy hoạch sau ngày 31/8/2018), gồm: Dự án Nhà máy Đ6 và Dự án Nhà máy Đ6. Từ tháng 7/2020 đến tháng 01/2023, Tập đoàn Đ5 đã mua điện và thanh toán cho 02 Dự án trên số tiền cụ thể như sau:

+ Từ ngày 06/7/2020 đến ngày 30/6/2024, Tập đoàn Đ5 đã thanh toán mức giá 9,35 UScents/kWh cho Dự án Nhà máy Đ6 (do Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận làm chủ đầu tư) với tổng số tiền 412.036.736.339 đồng; số tiền chênh lệch cao hơn so với mức giá 7,09 UScents/kWh là: 99.593.912.849 đồng.

+ Từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/9/2023, Tập đoàn Đ5 đã thanh toán mức giá 9,35 UScents/kWh cho Dự án Nhà máy Đ6 với tổng số tiền 3.905.663.480.367 đồng; số tiền chênh lệch cao hơn so với mức giá 7,09 UScents/kWh là: 944.042.723.598 đồng.

Tổng số tiền Tập đoàn Đ5 đã thanh toán cho 02 Công ty trên là: 1.043.636.636.447 đồng.

Đây là số tiền đáng lẽ Tập đoàn Đ5 không phải trả cho các công ty nhưng do tính giá mua bán là 9,35UScents/kWh không đúng quy định dẫn đến việc thực tế Tập đoàn Đ5 đã thanh toán cho 02 Công ty trên tổng số tiền 1.043.636.636.447 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận trả lại số tiền 99.593.912.849 đồng; Công ty TNHH Đ3 trả lại 944.042.723.598 đồng cho Tập đoàn Đ5 là phù hợp và có căn cứ theo Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần Đ4 và Công ty TNHH Đ3 về nội dung này.

** Xét kháng cáo của Công ty cổ phần N3:*

Kết quả điều tra và xét xử sơ thẩm xác định: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các bị cáo Trịnh Văn Đ (chuyên viên Phòng cấp phép Cục C4, Bộ C4) và Trần Quốc H8 (Phó Phòng cấp phép Cục C4, Bộ C4) biết rõ Nhà máy Đ6 không đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật; nhưng vì muốn tạo điều kiện không chính đáng cho Công ty cổ phần N3 3 đủ điều kiện được công nhận ngày vận hành thương mại (COD) sớm (trước ngày 01/01/2021) để hưởng giá điện ưu đãi theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 13/2020 của Thủ tướng Chính phủ nên ngay trong ngày 18/12/2020, các bị cáo đã gấp rút thực hiện các thủ tục để cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho Dự án Nhà máy Đ6 là trái quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; trái với Quy trình cấp Giấy phép hoạt động điện lực Mã số: QT.13 ngày 30/11/2018 của Cục C4. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, làm trái công vụ của các bị cáo đã dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền là 209.376.112.366 đồng, cụ thể:

Sau khi được cấp Giấy phép hoạt động điện lực, Công ty cổ phần N3 đã sử dụng Giấy phép hoạt động điện lực số 341/GP-ĐTĐL ngày 18/12/2020 thực hiện việc đóng điện, tiến hành các thử nghiệm, thí nghiệm, công nhận ngày vận hành thương mại, chốt chỉ số công tơ, vận hành Nhà máy Đ6 bán điện thương mại cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Đ5, được hưởng giá ưu đãi bán điện 7,09 uscent/kWh theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng số tiền Công ty M1 đã trả cho Công ty cổ phần N3 3 từ tháng 12/2020 đến hết tháng 11/2022 là 749.914.442.575 đồng. So với giá điện thỏa thuận và thanh toán thực tế cho các Nhà máy điện mặt trời chuyển tiếp bằng khung giá trần 1.184,90 đồng/kwh theo Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 của Bộ C4, thì việc Công ty M1 điện thanh toán cho Công ty cổ phần N3 3 theo giá cố định (FIT 2~1.644 đ/kwh) quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, có giá cao hơn là 459,1 đồng/kwh, tương đương 27,92%, cụ thể: $749.914.442.575 \text{ đồng} \times 27,92\% = 209.376.112.366 \text{ đồng}$.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần N3 3 trả lại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 209.376.112.366 đồng là phù hợp và có căn cứ (phía Công ty cổ phần N3 cũng đồng ý hoàn trả số tiền này cho Tập đoàn Đ5).

Hiện Công ty cổ phần N3 chỉ kháng cáo đề nghị được đổi trừ số tiền phải trả lại Tập đoàn Đ5 209.376.112.366 đồng vào số tiền EVN chưa thanh toán cho Công ty cổ phần N3 là 638.600.532.841 đồng; đồng thời đề nghị Tập đoàn Đ5 phối hợp sửa đổi hợp đồng mua bán điện cho phù hợp quy định hiện hành. Tuy nhiên, xét nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án, các bên đương sự có thể tự trao đổi, thỏa thuận giải quyết với nhau hoặc khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của các Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần N7 tại L Ninh Thuận và Công ty cổ phần N3; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 286/2025/HS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của bị cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra của Bộ C5 và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng mà các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

Về việc xác định tư cách tố tụng: Mặc dù Tập Đoàn Đ5 và các Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 được triệu tập là nguyên đơn và bị đơn dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm đã xác định rõ được số tiền 944.042.723.598 đồng, 99.593.912.849 đồng và 209.376.112.366 đồng mà Tập đoàn Đ5 đã trả cho 03 công ty trên thông qua các hợp đồng mua bán điện là do hành vi phạm tội của các bị cáo, không phải do các Công ty này trực tiếp gây ra nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại tư cách tố tụng của Tập đoàn Đ5 và các Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Quốc V và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 3 trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trước khi mở phiên tòa, ngày 13/5/2025, bị cáo Hoàng Quốc V có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên ngày 20/6/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Quốc

V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Hoàng Quốc V, Phương Hoàng K, Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8, Nguyễn Danh S1, Nguyễn Hữu K1, Đỗ Ngọc T17, Trương Hoàng D5, Phan Văn S2, Nguyễn Duy K2, Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm quy kết; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo V có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của bị cáo V phù hợp phù hợp lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bị cáo Hoàng Quốc V trong thời gian làm Thứ trưởng Bộ C4, được giao phụ trách Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, từ ngày 31/8/2018 đến ngày 06/4/2020, đã chỉ đạo tham mưu xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hoàng Quốc V đã biết được chủ trương của Chính phủ (Nghị quyết số 115/NQ-CP), chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận đối với các dự án điện mặt trời, nhưng vì động cơ vụ lợi (đã nhận 1,5 tỷ đồng của ông Nguyễn Tâm T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Đ3), nên đã chỉ đạo Cục C4 và Năng lượng tái tạo xây dựng dự thảo Quyết định số 13/QĐ-TTg theo hướng mở rộng diện đối tượng được hưởng giá điện ưu đãi và thống nhất chủ trương đề xuất cho Dự án Nhà máy Đ6 được phê duyệt bổ sung quy hoạch, xin cơ chế giá 9,35 UScents/kWh cho dự án này được hưởng, gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 1.043.636.636.447 đồng.

Bị cáo Phương Hoàng K trong thời gian làm Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, từ ngày 31/8/2012 đến ngày 06/4/2020, được giao làm Tổ trưởng Tổ soạn thảo, trực tiếp thực hiện việc xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Phương Hoàng K đã biết được chủ trương của Chính phủ (Nghị quyết số 115/NQ-CP), chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận đối với các dự án điện mặt trời; nhưng vì muốn tạo điều kiện không chính đáng cho Nhà máy Đ6 được hưởng giá điện ưu đãi 9,35 UScents/kWh, Phương Hoàng K đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao cố ý đẩy trách nhiệm cho ông Đỗ Đức Q1 - Phó Cục trưởng Cục C4 và Năng lượng tái tạo làm Tổ trưởng Tổ soạn thảo nhưng không được chấp nhận; không chỉ đạo Tổ soạn thảo, Cục C4 và Năng lượng tái tạo xây dựng Dự thảo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo Nghị quyết số 115/NQ-CP và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; không báo cáo lãnh đạo Bộ C4 về nội dung Dự thảo trái với Nghị quyết số 115/NQ-CP mục đích để Nhà máy Đ6 được hưởng giá điện ưu đãi; trực tiếp tham mưu, đề xuất bổ sung quy hoạch và giá điện ưu đãi cho Nhà máy Đ6, gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số

tiền 1.043.636.636.447 đồng.

Các bị cáo Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8: Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 18/12/2020, Trịnh Văn Đ - Chuyên viên, Trần Quốc H8 - Phó trưởng Phòng Cấp phép và quan hệ công chúng, Cục C4, Bộ C4, được giao tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định, đề xuất hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty cổ phần N3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trịnh Văn Đ và Trần Quốc H8 biết được Nhà máy Đ6 không đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động điện lực theo quy định. Nhưng vì muốn tạo điều kiện không chính đáng cho Công ty cổ phần N3 đủ điều kiện được công nhận ngày vận hành thương mại (COD) sớm (trước ngày 01/01/2021) để được hưởng giá điện ưu đãi theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 13/2020 của Thủ tướng Chính phủ, nên ngay trong ngày 18/12/2020, Trịnh Văn Đ và Trần Quốc H8 đã lập báo cáo thẩm định hồ sơ, dự thảo, ký nháy Giấy phép hoạt động điện lực trình ông Nguyễn Anh T15 ký cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho Dự án Nhà máy Đ6, trái quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; trái với Quy trình cấp Giấy phép hoạt động điện lực Mã số: QT.13 ngày 30/11/2018 của Cục C4, gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 209.376.112.366 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Danh S1, Nguyễn Hữu K1, Đỗ Ngọc T17 và Trương Hoàng D5: Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 30/12/2020, Trương Hoàng D5 - Kỹ sư Phòng K6; Đỗ Ngọc T17 - Chuyên viên Phòng kinh doanh mua điện; Nguyễn Hữu K1 - Trưởng phòng kinh doanh mua bán điện; Nguyễn Danh S1 - Giám đốc Công ty Mua bán điện đã tiến hành nghiệm thu có tải hệ thống đo đếm điện năng và kiểm tra công suất lắp đặt thực tế Nhà máy Đ6; tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, ký ban hành văn bản công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trương Hoàng D5, Đỗ Ngọc T17, Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Danh S1 biết được Nhà máy Đ6 không đủ điều kiện để được công nhận ngày vận hành thương mại (COD) theo quy định của pháp luật. Nhưng vì muốn tạo điều kiện không chính đáng cho Công ty cổ phần N3 đủ được vận hành sớm (trước ngày 01/01/2021) để hưởng giá điện ưu đãi theo khoản 1 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bị cáo Trương Hoàng D5 đã kiểm tra công suất lắp đặt thực tế để chốt chỉ số công tơ cho Nhà máy Đ6 3 không đúng quy định và ngay trong ngày 30/12/2020, sau khi nhận được đề nghị của Công ty cổ phần N3 đề nghị, Đỗ Ngọc T17, Nguyễn Hữu K1 đã trình Nguyễn Danh S1 ký, cấp văn bản công nhận ngày vận hành thương mại (COD) cho Nhà máy Đ6 3, trái với quy định tại khoản 1 Điều 32, khoản 4 Điều 31 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 4 Điều 123 Luật Xây dựng; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 16/2017/TT-BTC ngày 12/9/2017 của Bộ C4; điểm d khoản 1 Điều 51 Thông tư số 39/2015/TTBCT ngày 18/11/2015 của Bộ C4; khoản 2 Điều 8 Quy trình thử

nghiệm, công nhận ngày vận hành thương mại nhà máy điện gió và nhà máy Đ6 (ban hành kèm theo Quyết định số 1010/QĐ-EVN ngày 10/7/2020 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Đ5), gây thiệt hại cho Tập đoàn Đ5 số tiền 209.376.112.366 đồng.

Các bị cáo Phan Văn S2, Nguyễn Duy K2, Trần Văn Đ1 và Phạm Quang V3: Trong thời gian từ ngày 11/12/2020 đến ngày 18/12/2020, Phan Văn S2 - Công chức, Trần Văn Đ1 - Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3, Phạm Quang V3 - Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế, Nguyễn Duy K2 - Phó Cục trưởng thuộc Cục thuế tỉnh B, được phân công thẩm định, đề xuất, ký Quyết định hoàn thuế GTGT và Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước cho Công ty cổ phần N3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Phan Văn S2 biết Nhà máy Đ6 được xây dựng tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước không đủ điều kiện để được hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật, nhưng vì muốn tạo điều kiện không chính đáng cho Công ty cổ phần N3 3 được hoàn thuế, Phan Văn S2 vẫn lập, ký biên bản kiểm tra thuế, phiếu đề xuất và tờ trình Trần Văn Đ1 phê duyệt, chuyển phòng pháp chế thẩm định rồi trình Nguyễn Duy K2 ký Quyết định hoàn thuế số 199/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 20/7/2021 và Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước cho Công ty cổ phần N3 3 là trái với quy định tại tiết b và tiết c.2 điểm 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ T22 quy định về điều kiện và các trường hợp hoàn thuế GTGT dự án đầu tư, nhằm tạo điều kiện cho Công ty cổ phần N3 được hoàn thuế; gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 145.137.698.317 đồng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3, Nguyễn Duy K2 khi được Phan Văn S2 trình thẩm định, ký duyệt hồ sơ hoàn thuế, ký quyết định hoàn thuế cho Công ty cổ phần N3, đã không thực hiện hết chức trách nhiệm vụ được giao, không kiểm tra tính pháp lý của dự án Nhà máy Đ6 có đủ điều kiện để được hoàn thuế GTGT hay không, dẫn đến việc không phát hiện trong hồ sơ đề nghị hoàn thuế của Nhà máy Đ6 không đảm bảo thủ tục pháp lý, nên vẫn ký văn bản thẩm định, duyệt hồ sơ đề xuất, ký Quyết định hoàn thuế số 199/QĐ-CTBPH-KĐT ngày 20/7/2021 và Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách Nhà nước cho Công ty cổ phần N3 3 là trái với quy định tại tiết b và tiết c.2 điểm 3 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ T22 quy định về điều kiện và các trường hợp hoàn thuế GTGT dự án đầu tư. Hành vi của các bị cáo Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3, Nguyễn Duy K2 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 145.137.698.317 đồng.

Về xác định thiệt hại, hậu quả của vụ án của các bị cáo trong việc tham mưu ban hành khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trong việc cấp Giấy phép hoạt động điện lực và trong việc cấp COD cho Nhà máy Đ6; Cơ quan điều tra đã xác định rõ chính hành vi phạm tội của các bị cáo đã để Tập đoàn Đ5 lẽ ra không phải thanh toán theo giá mua điện ưu đãi 9,35 UScents/kWh đối với Nhà máy Đ6 và Nhà máy Đ6. Mặt

khác, tại thời điểm các bị cáo phạm tội giá mua điện đối với các dự án điện mặt trời chỉ có 02 giá 7,09 UScents/kWh và 9,35 UScents/kWh, nên Cơ quan điều tra đã căn cứ vào mức giá 7,09 UScents/kWh để làm căn cứ xác định thiệt hại là phù hợp và là có lợi cho các bị cáo cũng như có lợi cho các công ty có liên quan.

Do có hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử các bị cáo Hoàng Quốc V, Phương Hoàng K, Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8, Nguyễn Danh S1, Nguyễn Hữu K1, Đỗ Ngọc T17, Trương Hoàng D5, Phan Văn S2 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Duy K2, Trần Văn Đ1, Phạm Quang V3 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền rất lớn, gây dư luận xấu trong xã hội, đi ngược lại với công cuộc phòng, chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đủ sức trừng trị, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hoàng Quốc V5 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng sau đó bị cáo đã có đơn xin rút đơn kháng cáo; các bị cáo khác trong vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra vụ án, truy tố, xét xử đã xác định: Hành vi của các bị cáo Hoàng Quốc V, Phương Hoàng K đã gây thiệt hại cho Nhà nước, hậu quả làm Tập đoàn Đ5 đã chi trả số tiền 1.043.636.636.447 đồng. Trong đó, Công ty cổ phần Đ4 (chủ đầu tư Nhà máy Đ6) được nhận 99.593.912.849 đồng, Công ty TNHH Đ3 (chủ đầu tư Nhà máy Đ6) được nhận 944.042.723.598 đồng.

Hành vi của các bị cáo Trịnh Văn Đ, Trần Quốc H8, Nguyễn Danh S1, Nguyễn Hữu K1, Đỗ Ngọc T17, Trương Hoàng D5 đã gây thiệt hại cho Nhà nước, hậu quả làm Tập đoàn Đ5 đã chi trả cho Công ty cổ phần N3 (chủ đầu tư Nhà máy Đ6) số tiền 209.376.112.366 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tập

đoàn Đ5 có yêu cầu các Công ty phải hoàn trả các khoản tiền đã được chi trả nêu trên.

Xét thấy, các khoản tiền nêu trên mà Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 được nhận là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, là thiệt hại của vụ án mà Đ5 không phải trả nhưng đã trả cho các Công ty. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc các Công ty phải trả lại cho Tập đoàn Đ5 toàn bộ số tiền đã được nhận nêu trên, đồng thời, kiến nghị Bộ C4 phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan kịp thời có văn bản hướng dẫn hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg theo quy định của pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 đề nghị được tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký với Tập đoàn Đ5, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, Tòa án xem xét đối với hành vi phạm tội đã bị truy tố của các bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 1.043.636.636.447 đồng, trong đó Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận được trả 99.593.912.849 đồng, Công ty TNHH Đ3 được trả 944.042.723.598 đồng, Công ty cổ phần N3 (Chủ đầu tư Nhà máy Đ6) được trả 209.376.112.366 đồng; và buộc các Công ty phải trả lại Tập đoàn Đ5 số tiền nêu trên. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của các Công ty về việc không đồng ý trả lại tiền cho Tập đoàn Đ5, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét đối với các Hợp đồng được ký kết giữa Tập đoàn Đ5 với các Công ty; do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét về các Hợp đồng theo yêu cầu kháng cáo của các Công ty. Việc giữa Tập đoàn Đ5 với Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 thỏa thuận nội dung hợp đồng và giá bán điện được thực hiện theo quy định pháp luật, quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo căn cứ pháp lý xác định trong hợp đồng đã ký, nội dung thỏa thuận dân sự của các bên tại hợp đồng đang có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần N3 đề nghị được đối trừ số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ5 với số tiền Tập đoàn Đ5 phải thanh toán cho Công ty cổ phần N3, do Tập đoàn Đ5 đang nợ tiền điện của Công ty: Xét thấy yêu cầu này của Công ty cổ phần N3 không thuộc phạm vi giới hạn xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Với phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận, Công ty cổ phần N3 cũng như ý kiến của các luật sư bảo vệ cho các Công ty, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà

Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận và Công ty cổ phần N3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ3, Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận và Công ty cổ phần N3;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 286/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Buộc các Công ty sau phải trả lại số tiền thiệt hại cho Tập đoàn Đ5; cụ thể:

- Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận: 99.593.912.849đ (Chín mươi chín tỷ năm trăm chín ba triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm bốn chín đồng);

- Công ty TNHH Đ3: 944.042.723.598đ (Chín trăm bốn bốn tỷ không trăm bốn hai triệu bảy trăm hai ba nghìn năm trăm chín tám đồng).

- Công ty cổ phần N3 3: 209.376.112.366đ (Hai trăm linh chín tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu một trăm mười hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Đ3 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp tại Biên lai số 0079592 ngày 28/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

- Công ty cổ phần Đ4 16 Ninh Thuận phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp tại Biên lai số 0079590 ngày 27/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

- Công ty cổ phần N3 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp tại Biên lai số 0079584 ngày 26/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (nay là Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị

kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- TTG số 1 - Công an Tp Hà Nội;
- TG Phú Sơn 4 - Bộ Công an;
- Bị cáo Vương (qua TG Phú Sơn 4)
- NLQ (theo đ/c);
- NBV (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

CÁC THẨM PHÁN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông

Phạm Việt Hà

Ngô Tự Học